

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA CỦA TỔ CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Công văn số /CCTTHC ngày tháng 6 năm 2010 của Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ).

I. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

1. Cấp giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư - B-BTT-017072-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Các văn bản quy định về thủ tục này chưa quy định cụ thể, rõ ràng trình tự, cách thức thực hiện thủ tục.

- Về thành phần hồ sơ:

1) Sửa đổi yêu cầu nộp: “Bản sao *hợp lệ* Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyên phát” thành “Bản sao (*có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp*) hoặc bản sao có chứng thực (*trong trường hợp chuyển hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát*) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyên phát.

Lý do: Nội hàm từ “*hợp lệ*” quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 16 Nghị định 128 chung chung, không rõ ràng, gây khó khăn cho tổ chức khi thực hiện thủ tục xin cấp phép.

2) Sửa đổi yêu cầu nộp “Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp (nếu có)” thành “Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp liên doanh và quốc tế)”

Lý do: Vì điều kiện thực tế ở Việt Nam chưa phân biệt rõ doanh nghiệp trong nước, nước ngoài, và doanh nghiệp liên doanh. Đối với doanh nghiệp trong nước, khi thành lập hay đăng ký kinh doanh đã phải có điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp. Còn đối với doanh nghiệp nước ngoài khó kiểm soát, quản lý được nên để đảm bảo công bằng giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, thì sửa yêu cầu này cho rõ ràng là yêu cầu nộp “Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp liên doanh và nước ngoài)”

3) Bỏ yêu cầu “Tài liệu chứng minh người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát có kinh nghiệm tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực bưu chính hoặc chuyển phát”

Lý do: Yêu cầu người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát có kinh nghiệm tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực bưu chính hoặc chuyển phát tại khoản 4 Điều 15 Nghị định 128 là không cần thiết và hạn chế quyền của tổ chức khi có nhu cầu đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính.

- Về yêu cầu, điều kiện: Bỏ toàn bộ các điều kiện đã nêu trong biểu mẫu thống kê đã công bố đối với thủ tục này.

Lý do: Những yêu cầu, điều kiện mà cơ quan quản lý đưa ra chỉ là những tiêu chí để cơ quan

nhà nước thẩm định hồ sơ và doanh nghiệp khi xây dựng hồ sơ đã phải nắm rõ; hoàn toàn không phải là các yêu cầu, điều kiện mà doanh nghiệp phải thực hiện ngoài TTHC này. Do vậy không cần thiết phải đưa vào yêu cầu, điều kiện của TT.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa Điều 15, 16 Nghị định 128/2007/NĐ-CP của Chính phủ.
- Sửa Mục 5a, 6c Thông tư 08/2008/TT-BTTTT của Bộ TTTT.

2. Cấp giấy phép thử nghiệm dịch vụ chuyển phát thư – B-BTT-018535-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Thủ tục này không khả thi và không phù hợp trên thực tế.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Pháp lệnh Bru chính, Viễn thông ngày 25/5/2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Xác nhận đăng ký là đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài - B-BTT-017585-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do:

- Tạo điều kiện thông thoáng và đơn giản hoá các thủ tục cho DN trong quá trình hoạt động.
- Trên thực tế từ khi thủ tục này ra đời chưa có doanh nghiệp nào phải xin xác nhận đăng ký làm đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài. Điều đó chứng tỏ thủ tục này không đem lại hiệu quả cho cả doanh nghiệp cũng như cho mục đích quản lý của cơ nhà nước.
- Mục tiêu của thủ tục này và thủ tục “Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát” là giống nhau (Quản lý các doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ chuyển phát thư tại Việt Nam; Đảm bảo an toàn, an ninh trong hoạt động chuyển phát thư tại Việt Nam) nên doanh nghiệp chỉ cần thực hiện 01 thủ tục là thủ tục “Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát”. Mặt khác, doanh nghiệp nếu phải thực hiện cả hai thủ tục này thì sẽ phải mất rất nhiều thời gian. Hơn nữa, nếu thủ tục này được thay thế bằng thủ tục xác nhận thông báo thì cơ quan nhà nước vẫn đảm bảo mục đích quản lý của mình.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa Phần III và phụ lục 5 thông tư 01/2005/TT-BBCVT
- Sửa Điều 27 Nghị định 157/2004/NĐ-CP ngày 18/8/2004 của Chính phủ.

4. Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát – B-BTT-017713-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Các văn bản quy định về thủ tục này chưa quy định cụ thể trình tự, cách thức thực hiện thủ tục để đảm bảo rõ ràng, thống nhất, tiện lợi cho doanh nghiệp làm thủ tục.

- Về thành phần hồ sơ:

- 1) Sửa đổi yêu cầu nộp: “Bản sao hợp lệ” thành “Bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường

hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát)” (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ chuyển phát tại Việt Nam).

Lý do: Nội hàm từ “hợp lệ” không rõ ràng, gây khó khăn cho tổ chức khi chuẩn bị hồ sơ.

2) Bổ yêu cầu nộp Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ trong thành phần hồ sơ.

Lý do: Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp "Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ" là không cần thiết. Vì doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về việc cam kết cung cấp dịch vụ chuyển phát trước pháp luật.

+ Bổ sung quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ

Lý do: Chưa có quy định về số lượng bộ hồ sơ phải nộp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Điều 13, Điều 14 Nghị định 128/2007/NĐ- CP ngày 2/8/2007.

5. Cấp giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông – B-BTT- 028448-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện:

1) Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

2) Bổ sung hình thức gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát vào cách thức thực hiện.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ mà vẫn không có ảnh hưởng gì trong công tác quản lý nhà nước.

3) Tách bước thẩm định hồ sơ xin cấp phép thành 2 bước: Bước 1: Kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trong thời gian 15 ngày, nếu hồ sơ chưa đầy đủ và theo quy định thì cơ quan quản lý hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ. Bước 2: Thẩm định hồ sơ về mặt kỹ thuật. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ TTTT cấp Giấy phép cho doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do từ chối cấp phép.

Lý do: Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể hoàn thiện hồ sơ (trong trường hợp do lỗi hồ sơ không theo quy định mà không liên quan đến vấn đề kỹ thuật) trong thời gian sớm hơn mà không cần chờ đợi đến hết thời gian cấp phép.

4) Bổ khâu xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

Lý do: Đảm bảo tính minh bạch trong việc cấp giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông cho các doanh nghiệp. Hơn nữa Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch phát triển viễn thông do đó có thể phân cấp để Bộ Thông tin và Truyền thông căn cứ vào quy hoạch để xem xét cấp phép.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn:

1) Thay “Đơn xin cấp giấy phép” bằng “Đơn đề nghị cấp giấy phép” và ban hành mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải

quyết thủ tục.

2) Thay yêu cầu nộp “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư” bằng “Bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyên phát) Giấy chứng nhận kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư”.

Lý do: Quy định “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư” tại Khoản 1, Điều 39, Mục 2, Chương IV, Nghị định 160/2004/NĐ-CP ngày 03/9/2004 là không rõ ràng. Nếu chỉ viết như vậy thì doanh nghiệp sẽ khó xác định là phải nộp bản sao, bản sao có chứng thực hay bản chính.

- Về thời hạn giải quyết: Rút ngắn thời gian thực hiện TTHC từ 75 ngày xuống 60 ngày.

Lý do: Hiện nay theo quy định mới của Luật Viễn thông sẽ hình thành cơ quan quản lý viễn thông độc lập, và trên cơ sở đề xuất bỏ khâu xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ, do đó việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính như đề xuất là phù hợp.

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Không giới hạn loại hình doanh nghiệp được quyền tham gia kinh doanh: Cho phép DN thuộc mọi thành phần kinh tế được cấp phép.

Lý do: Tạo sự bình đẳng cho các doanh nghiệp và phù hợp với cam kết khi gia nhập WTO của Việt Nam và quy định của Luật Doanh nghiệp.

2) Quy định rõ khả năng tài chính bằng các giới hạn mức vốn tối thiểu doanh nghiệp cam kết đầu tư;

Lý do: Đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, thuận lợi cho công tác thực thi, và không gây khó hiểu, khó thực hiện cho các doanh nghiệp về khái niệm như thế nào là đủ khả năng về tài chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

6. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông - B-BTT- 070048-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Phân loại các trường hợp sửa đổi bổ sung thành 2 loại: Trường hợp sửa đổi, bổ sung chỉ cần thông báo và trường hợp sửa đổi, bổ sung cần xin phép.

Lý do: Với những trường hợp sửa đổi, bổ sung đơn giản như thay đổi địa điểm, trụ sở, sửa đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp... thì doanh nghiệp chỉ cần thông báo cho các cơ quan cấp phép. Với các trường hợp thay đổi cơ bản nội dung giấy phép như: thay đổi quy mô doanh nghiệp, thay đổi cổ đông sáng lập... cần phải được sự cho phép của cơ quan quản lý. Do vậy đề nghị phân loại các trường hợp sửa đổi bổ sung thành 2 loại, và quy định phương án thực hiện phù hợp với từng loại để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

- Về trình tự, cách thức thực hiện:

1) Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong

VBQPPL.

2) Bổ sung hình thức gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát vào cách thức thực hiện.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ mà vẫn không có ảnh hưởng gì trong công tác quản lý nhà nước.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn:

1) Thay “Đơn xin cấp giấy phép” bằng “Đơn đề nghị cấp giấy phép” và ban hành mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

2) Quy định rõ ràng, chi tiết về nội dung báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình xây dựng báo cáo.

3) Đề nghị bỏ quy định “và các tài liệu có liên quan khác” trong thành phần hồ sơ.

Lý do: Quy định như vậy là không rõ ràng, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ.

- Về thời hạn thực hiện: Giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 60 ngày xuống 30 ngày;

Lý do: Hiện nay theo quy định mới của Luật Viễn thông sẽ hình thành cơ quan quản lý viễn thông độc lập, do đó việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính như đề xuất là phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

7. Gia hạn Giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông - B-BTT- 070069-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện:

1) Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

2) Bổ sung hình thức gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát vào cách thức thực hiện.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ mà vẫn không có ảnh hưởng gì trong công tác quản lý nhà nước.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn:

1) Thay “Đơn xin cấp giấy phép” bằng “Đơn đề nghị cấp giấy phép” và ban hành mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

2) Thay yêu cầu nộp “Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư” bằng “Bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát) Giấy chứng nhận kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư”.

Lý do: Quy định “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư” Điều 39, Mục 2, Chương IV, Nghị định 160/2004/NĐ-CP ngày 03/9/2004 là không rõ ràng. Nếu chỉ viết như vậy thì doanh nghiệp sẽ khó xác định là phải nộp bản sao, bản sao có chứng thực hay bản chính.

- Về thời hạn giải quyết:

+ Rút ngắn thời gian thực hiện TTHC từ 60 ngày xuống 30 ngày.

Lý do: Hiện nay theo quy định mới của Luật Viên thông sẽ hình thành cơ quan quản lý viên thông độc lập, do đó việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính như đề xuất là phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viên thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

8. Cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông - B-BTT- 028329-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện:

Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn:

1) Thay “Đơn xin cấp giấy phép” bằng “Đơn đề nghị cấp giấy phép” và ban hành mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

2) Thay yêu cầu nộp “Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư” bằng “Bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát) Giấy chứng nhận kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư”.

Lý do: Quy định “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư” tại tại phần 1, Điều 41, Mục 3, Chương IV, Nghị định 160/2004/NĐ-CP ngày 03/9/2004 là không rõ ràng. Nếu chỉ viết như vậy thì doanh nghiệp sẽ khó xác định là phải nộp bản sao, bản sao có chứng thực hay bản chính.

- Về thời hạn giải quyết:

+ Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 60 ngày xuống còn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

Lý do:

- 60 ngày là thời gian quá dài. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp thời gian cấp giấy chứng nhận ĐKKD cho doanh nghiệp hiện tại chỉ có 7 ngày.
- Số lượng doanh nghiệp đủ điều kiện xin cấp phép kinh doanh không lớn. Hiện tại trên cả nước cũng chỉ có hơn 20 doanh nghiệp được cấp phép (số liệu thống kê này được đăng tải trên trang Web của Bộ TTTT cung cấp).
- Nội dung thẩm định hồ sơ tương đối đơn giản, chủ yếu dựa trên hồ sơ, giấy tờ và không có

yêu cầu kỹ thuật đặc biệt nên không tốn nhiều thời gian.

- Về yêu cầu, điều kiện:

+ Bổ toàn bộ các điều kiện đã nêu trong biểu mẫu thống kê đã công bố.

Lý do: Những yêu cầu, điều kiện mà cơ quan quản lý đưa ra chỉ là những tiêu chí để cơ quan nhà nước thẩm định hồ sơ và doanh nghiệp khi xây dựng hồ sơ đã phải nắm rõ; hoàn toàn không phải là các yêu cầu, điều kiện mà doanh nghiệp phải thực hiện ngoài TTHC này. Do vậy không cần thiết phải đưa vào yêu cầu, điều kiện của TT.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

9. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông - B-BTT- 027141-TT

- Phân loại các trường hợp sửa đổi bổ sung thành 2 loại: Trường hợp sửa đổi, bổ sung chỉ cần thông báo và trường hợp sửa đổi, bổ sung cần xin phép.

Lý do: Với những trường hợp sửa đổi, bổ sung đơn giản như thay đổi địa điểm, trụ sở, sửa đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp,... thì doanh nghiệp chỉ cần thông báo cho các cơ quan cấp phép. Với các trường hợp thay đổi cơ bản nội dung giấy phép như: thay đổi quy mô doanh nghiệp, thay đổi cổ đông sáng lập... cần phải được sự cho phép của cơ quan quản lý. Do vậy đề nghị phân loại các trường hợp sửa đổi bổ sung thành 2 loại, và quy định phương án thực hiện phù hợp với từng loại để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

- Về trình tự, cách thức thực hiện:

1) Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

2) Bổ sung hình thức gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát vào cách thức thực hiện.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ mà vẫn không có ảnh hưởng gì trong công tác quản lý nhà nước.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn:

1) Thay “Đơn xin cấp giấy phép” bằng “Đơn đề nghị cấp giấy phép” và ban hành mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

2) Quy định rõ ràng, chi tiết về nội dung báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình xây dựng báo cáo.

3) Đề nghị bỏ quy định “và các tài liệu có liên quan khác” trong thành phần hồ sơ.

Lý do: Quy định như vậy là không rõ ràng, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ.

- Về thời hạn thực hiện: Giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 60 ngày xuống 30 ngày;

Lý do: Hiện nay theo quy định mới của Luật Viễn thông sẽ hình thành cơ quan quản lý viễn thông độc lập, do đó việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính như đề xuất là phù

hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

10. Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông - B-BTT- 127146-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện:

1) Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

2) Bổ sung hình thức gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát vào cách thức thực hiện.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ mà vẫn không có ảnh hưởng gì trong công tác quản lý nhà nước.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn:

1) Thay “Đơn xin cấp giấy phép” bằng “Đơn đề nghị cấp giấy phép” và ban hành mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

2) Thay yêu cầu nộp “Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư” bằng “Bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát) Giấy chứng nhận kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư”.

Lý do: Quy định “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư” tại Điều 41, Mục 3, Chương IV, Nghị định 160/2004/NĐ-CP ngày 03/9/2004 là không rõ ràng. Nếu chỉ viết như vậy thì doanh nghiệp sẽ khó xác định là phải nộp bản sao, bản sao có chứng thực hay bản chính.

- Về thời hạn giải quyết:

+ Rút ngắn thời gian thực hiện TTHC từ 60 ngày xuống 30 ngày.

Lý do: Hiện nay theo quy định mới của Luật Viễn thông sẽ hình thành cơ quan quản lý viễn thông độc lập, do đó việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính như đề xuất là phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

11. Cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng - B-BTT- 029248-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện:

1) Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

2) Bổ sung hình thức gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát vào cách thức thực hiện.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ mà vẫn không có ảnh hưởng gì trong công tác quản lý nhà nước.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn:

1) Thay “Đơn xin cấp giấy phép” bằng “Đơn đề nghị cấp giấy phép” và ban hành mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

2) Thay yêu cầu nộp “Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư” bằng “Bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát) Giấy chứng nhận kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư”.

Lý do: Quy định “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư” tại phân 1b, Điều 45, Mục 3, Chương IV, Nghị định 160/2004/NĐ-CP ngày 03/9/2004 là không rõ ràng. Nếu chỉ viết như vậy thì doanh nghiệp sẽ khó xác định là phải nộp bản sao, bản sao có chứng thực hay bản chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

12. Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng - B-BTT- 070415-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Phân loại các trường hợp sửa đổi, bổ sung thành 2 loại: Trường hợp sửa đổi, bổ sung chỉ cần thông báo và trường hợp sửa đổi, bổ sung cần xin phép.

Lý do: Trên thực tế, có nhiều trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép là đơn giản ví dụ: thay đổi địa điểm, trụ sở, sửa đổi đại diện được ủy quyền hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp,... đối với các trường hợp này tổ chức, doanh nghiệp chỉ cần thông báo cho các cơ quan cấp phép. Tuy nhiên đối với các trường hợp thay đổi về mô hình tổ chức, thành viên mạng, phạm vi thiết lập và dịch vụ cung cấp trên mạng vẫn cần phải có sự đồng ý của cơ quan cấp phép. Do đó đề xuất phân loại các trường hợp sửa đổi bổ sung thành 2 loại và quy định phương pháp thực hiện phù hợp với 2 đối tượng để tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn: Thay “Đơn xin sửa đổi, bổ sung” bằng “Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung” và ban hành mẫu đơn đề nghị.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

13. Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng - B-BTT- 070427-TT**a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Về trình tự, cách thức thực hiện:

1) Hợp pháp hóa trình tự và cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

2) Bổ sung cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật: Gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyên phát.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ mà vẫn không có ảnh hưởng gì trong công tác quản lý nhà nước.

- Về thành phần hồ sơ và mẫu đơn: Thay “Đơn xin gia hạn giấy phép” bằng “Đơn đề nghị gia hạn giấy phép” và ban hành mẫu đơn đề nghị.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

14. Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông - B-BTT- 029322-TT**a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn: Thay “Đơn xin sửa đổi, bổ sung” bằng “Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung” và ban hành mẫu đơn đề nghị.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

15. Gia hạn thời gian thử nghiệm của giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông - B-BTT- 070408-TT**a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn: Thay “Đơn xin sửa đổi, bổ sung” bằng “Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung” và ban hành mẫu đơn đề nghị.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

16. Cấp phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa của Việt Nam - B-BTT- 068051-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn:

1) Thay “Đơn xin sửa đổi, bổ sung” bằng “Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung” và ban hành mẫu đơn đề nghị.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

2) Quy định rõ các nội dung trong Đề án.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình hoàn thiện hồ sơ.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Giảm từ 90 ngày xuống 45 ngày;

Lý do: Hiện nay theo quy định mới của Luật Viễn thông sẽ hình thành cơ quan quản lý viễn thông độc lập, do đó việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính như đề xuất là phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

17. Gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa Việt Nam - B-BTT- 070442-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn: Thay “Đơn xin sửa đổi, bổ sung” bằng “Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung” và ban hành mẫu đơn đề nghị.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Giảm từ 90 ngày xuống 45 ngày;

Lý do: Hiện nay theo quy định mới của Luật Viễn thông sẽ hình thành cơ quan quản lý viễn thông độc lập, do đó việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính như đề xuất là phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

18. Sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa Việt Nam - B-BTT- 070436-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Phân loại các trường hợp sửa đổi, bổ sung thành 2 loại: Trường hợp sửa đổi, bổ sung chỉ cần thông báo và trường hợp sửa đổi, bổ sung cần xin phép.

Lý do: Trên thực tế, có nhiều trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép là đơn giản ví dụ: thay đổi địa điểm, trụ sở, sửa đổi đại diện được ủy quyền hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp,... đối với các trường hợp này tổ chức, doanh nghiệp chỉ cần thông báo cho các cơ quan cấp phép. Tuy nhiên đối với các trường hợp thay đổi về mô hình tổ chức, thành viên mạng, phạm vi thiết lập và dịch vụ cung cấp trên mạng vẫn cần phải có sự đồng ý của cơ quan cấp phép. Do đó đề xuất phân loại các trường hợp sửa đổi bổ sung thành 2 loại và quy định phương pháp thực hiện phù hợp với 2 đối tượng để tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

- Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn: Thay “Đơn xin sửa đổi, bổ sung” bằng “Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung” và ban hành mẫu đơn đề nghị.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: giảm từ 60 ngày xuống 45 ngày.

Lý do: Hiện nay theo quy định mới của Luật Viễn thông sẽ hình thành cơ quan quản lý viễn thông độc lập, do đó việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính như đề xuất là phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).

19. Xác nhận đủ điều kiện kỹ thuật nghiệp vụ cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến - B-BTT- 127146-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị quy định chi tiết nội dung báo cáo triển khai các điều kiện kỹ thuật nghiệp vụ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình hoàn thiện hồ sơ.

- Về mẫu đơn, tờ khai: Đề nghị ban hành mẫu đơn đề nghị.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư liên tịch số 60/2006/TTLT-BVHTT-BBCVT-BCA về Quản lý trò chơi trực tuyến (Online games).

20. Phân bổ mã, số viễn thông – B-BTT- 129669-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Hình thức phân bổ mã, số:

1) Quy định chi tiết về các hình thức phân bổ mã, số: Đấu giá, thi tuyển, các phương thức phân bổ khác.

Lý do: Hiện nay Luật Viễn thông có quy định các hình thức phân bổ mã, số viễn thông đa dạng nhằm đảm bảo cho việc sử dụng tài nguyên viễn thông được hiệu quả do đó cần có quy định chi tiết về từng hình thức phân bổ.

2) Quy định chi tiết về các yêu cầu về tài nguyên số; mô tả chi tiết kỹ thuật và phương án kinh doanh liên quan đến việc phân bổ mã số.

Lý do: Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi tìm hiểu, lập phương án kinh doanh và thực thi TTHC

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

- Về thành phần, số lượng hồ sơ:

1) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ là 01 bộ vào VBQPPL.

Lý do: Trong VBQPPL chưa quy định số lượng bộ hồ sơ doanh nghiệp phải nộp.

2) Đề nghị bỏ nội dung “Giấy phép liên quan”

Lý do: Vì nếu quy định như vậy sẽ gây khó cho doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ.

3) Gộp các thành phần hồ sơ ở mục c, d, đ, e, g, h vào đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông. Ban hành mẫu đơn đề nghị mới.

Lý do: Để đơn giản, thống nhất, tiện lợi cho doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010)..

- Văn bản quy định về quản lý tài nguyên kho số viễn thông.

21. Thoả thuận cho phép sản xuất thiết bị vô tuyến - B-BTT- 029322-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Thủ tục này có thể thay thế bằng chế độ hậu kiểm, để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc kinh doanh, sản xuất.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).
(thay thế cho Pháp lệnh Bưu chính viễn thông)

22. Thỏa thuận cho phép tạm nhập, tái xuất thiết bị thông tin (cho các đoàn ngoại giao, triển lãm giới thiệu công nghệ) - B-BTT- 032016-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời để đảm bảo tính công khai, minh bạch cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

- Về số lượng hồ sơ: 01 bộ

Lý do: Cần quy định cụ thể số bộ hồ sơ doanh nghiệp phải chuẩn bị vào văn bản quy phạm pháp luật

- Về mẫu đơn, tờ khai: Ban hành mẫu công văn yêu cầu cho tạm nhập tái xuất và sử dụng thiết bị viễn thông.

Lý do: Để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị hồ sơ.

- Về thời hạn giải quyết: Cần quy định thời hạn giải quyết TTHC này.

Lý do: Để đảm bảo thống nhất, rõ ràng, công bằng, minh bạch trong việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi:

Bổ sung các quy định trên tại Nghị định hướng dẫn Luật Viễn thông (có hiệu lực từ 01/7/2010).
(thay thế cho Pháp lệnh Bưu chính viễn thông).

23. Công bố doanh nghiệp nắm giữ các phương tiện thiết yếu - B-BTT- 029248-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời để đảm bảo tính công khai, minh bạch cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

- Về số lượng hồ sơ:

1) Cần quy định cụ thể số bộ hồ sơ doanh nghiệp phải chuẩn bị vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Chưa có quy định cụ thể về số bộ hồ sơ của thủ tục này trong văn bản quy phạm pháp luật.

2) Ban hành mẫu công văn thống nhất cho doanh nghiệp sử dụng.

Lý do: Để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị hồ sơ.

3) Quy định chi tiết về nội dung Bảng kê khai dung lượng mạch vòng nội hạt; dung lượng kênh truyền dẫn đường dài trong nước, quốc tế; số trạm vô tuyến gốc của mạng thông tin di động mặt

đất.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình chuẩn bị hồ sơ

- Về thời hạn giải quyết: Đề nghị quy định thời hạn giải quyết TTHC này.

Lý do: Văn bản hiện hành chưa có quy định về nội dung trên.

b) Kiến nghị thực thi:

Quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật viễn thông (thay thế cho Pháp lệnh Bưu chính viễn thông).

24. Công bố doanh nghiệp viễn thông có dịch vụ viễn thông chiếm thị phần khống chế - B-BTT- 070427-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời để đảm bảo tính công khai, minh bạch cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

- Về số lượng hồ sơ:

1) Cần quy định cụ thể số bộ hồ sơ doanh nghiệp phải chuẩn bị vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Chưa có quy định cụ thể về số bộ hồ sơ của thủ tục này trong văn bản quy phạm pháp luật.

2) Ban hành mẫu công văn thống nhất cho doanh nghiệp sử dụng.

Lý do: Để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị hồ sơ.

3) Quy định chi tiết về nội dung Bảng kê khai sản lượng doanh thu của các dịch vụ viễn thông.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình chuẩn bị hồ sơ

- Về thời hạn giải quyết: Đề nghị quy định thời hạn giải quyết TTHC này.

Lý do: Văn bản hiện hành chưa có quy định về nội dung trên.

b) Kiến nghị thực thi:

Quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật viễn thông (thay thế cho Pháp lệnh Bưu chính viễn thông).

25. Đăng ký giá cước viễn thông:

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời để đảm bảo tính công khai, minh bạch cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

- Về số lượng hồ sơ: Cần quy định cụ thể số bộ hồ sơ doanh nghiệp phải chuẩn bị vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định cụ thể về số lượng hồ sơ doanh nghiệp phải chuẩn bị.

- Về mẫu đơn, tờ khai: Ban hành mẫu “Đơn đăng ký giá cước viễn thông”.

Lý do: Để thống nhất, tiện lợi cho doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

Xây dựng văn bản quy phạm mới để bổ sung nội dung còn thiếu của thủ tục.

26. Thông báo giá cước - B-BTT- 029322-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện:

1) Bổ sung trình tự, cách thức thực hiện vào VBQPPL.

Lý do: Trong VBQPPL chưa quy định cách thức thực hiện TTHC.

2) Thay thế cách thức thực hiện trực tiếp bằng cách thức Thông báo giá cước qua mạng Internet.

Lý do: Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC

- Về số lượng hồ sơ: Cần quy định cụ thể số bộ hồ sơ doanh nghiệp phải chuẩn bị vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định cụ thể về số lượng hồ sơ doanh nghiệp phải chuẩn bị.

- Về mẫu đơn, tờ khai: Ban hành mẫu “Đơn đăng ký giá cước viễn thông”.

Lý do: Để thống nhất, tiện lợi cho doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

Cập nhật các nội dung này trong văn bản quy phạm hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông (thay thế Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông).

27. Phê duyệt phương án giá cước dịch vụ điện thoại nội hạt (thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ) - B-BTT- 029322-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Theo Luật viễn thông mới (thay thế cho Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông), không có cước dịch vụ viễn thông quan trọng do Thủ tướng quyết định giá cước; thay vào đó, Bộ TTTT sẽ quyết định mọi loại cước viễn thông quan trọng. Do vậy, có thể gộp TTHC này với thủ tục Đăng ký giá cước viễn thông.

b) Kiến nghị thực thi:

Cập nhật các nội dung này trong văn bản quy phạm hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông (thay thế Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông).

28. Giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về viễn thông và Internet - B-BTT- 054708-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời hạn giải quyết: Quy định chậm nhất 30 ngày có văn bản trả lời.

Lý do: Các văn bản pháp luật hiện nay chưa quy định cụ thể thời gian cơ quan quản lý nhà nước phải có văn bản trả lời kiến nghị cho các tổ chức, cá nhân có kiến nghị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Cập nhật các nội dung này trong văn bản quy phạm hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông (thay thế Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông).

29. Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện - B-BTT-027413-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm pháp luật chưa quy định cụ thể, rõ ràng các nội dung này.

- Về thành phần hồ sơ:

1) Chỉ yêu cầu nộp bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập (với trường hợp là tổ chức); giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (với trường hợp là cá nhân).

Lý do: Doanh nghiệp chỉ cần chuẩn bị một trong số các giấy tờ nêu trên là đủ. Hơn nữa, để giảm phiền hà, rắc rối cho doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, đề nghị bỏ yêu cầu công chứng, nhưng vẫn phải có yêu cầu chứng thực (trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính) để đảm bảo độ xác thực và pháp lý của giấy tờ tư cách pháp nhân.

2) Thay yêu cầu nộp “Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn” bằng “Giấy chứng nhận hợp qui”.

Lý do: Hiện nay, không còn khái niệm “Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn” mà đã được thay thế bằng “Giấy chứng nhận hợp qui”. Do vậy, cần thay tên thành phần hồ sơ này để dễ hiểu cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị hồ sơ.

- Về mẫu tờ khai: phần cam kết nên thay “Bộ Bưu chính, Viễn thông” bằng “Bộ Thông tin và Truyền thông”.

Lý do: Trong mẫu đơn vẫn sử dụng tên cũ của Bộ là Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay đã đổi là Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Về thời hạn hiệu lực của giấy phép: Đề nghị quy định bổ sung về hiệu lực của giấy phép này như sau: giấy phép có hiệu lực cho đến lúc lô hàng đó được thông quan hoàn toàn và không vượt qua số lượng trong giấy phép.

Lý do: Việc không quy định cụ thể thời hạn hiệu lực của giấy phép sẽ tạo ra sự tùy tiện, không rõ ràng, minh bạch và bình đẳng cho các tổ chức, cá nhân trong việc được cấp phép nhập khẩu. Nếu quy định theo đề xuất của TCTCT sẽ tạo điều kiện

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 02/2006/TT-BTTTT ngày 24/4/2006 của Bộ Bưu chính, Viễn thông Hướng dẫn thi hành nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua,

bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài đối với hàng hoá thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

30. Gia hạn giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện - B-BTT-116091-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm pháp luật chưa quy định cụ thể và rõ ràng các nội dung này.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 02/2006/TT-BTTTT ngày 24/4/2006 của Bộ Bưu chính, Viễn thông Hướng dẫn thi hành nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài đối với hàng hoá thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

31. Công bố hợp quy cho các sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy - B-BTT-115584-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ và mẫu đơn:

1) Bãi bỏ yêu cầu nộp Đơn đăng ký công bố hợp quy và bãi bỏ mẫu Đơn đăng ký công bố hợp quy.

Lý do: Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Đơn đăng ký công bố hợp quy là không cần thiết, vì trong thành phần hồ sơ có Bản công bố hợp quy mang đầy đủ các thông tin yêu cầu trong Đơn đăng ký công bố hợp quy.

2) Bãi bỏ yêu cầu nộp Báo cáo kết quả tự đánh giá sự phù hợp trong thành phần hồ sơ;

Lý do: Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Báo cáo kết quả tự đánh giá sự phù hợp là không cần thiết vì trong Bản công bố hợp quy mà tổ chức, cá nhân nộp cho cơ quan quản lý nhà nước đã bao gồm kết quả tự đánh giá sự phù hợp

3) Sửa mẫu Bản công bố hợp quy: Thay cụm từ “Căn cứ Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo kết quả tự đánh giá sự phù hợp số ...” bằng “Căn cứ Giấy chứng nhận hợp quy/Kết quả đo kiểm sản phẩm số ...”

Lý do: Nếu bỏ yêu cầu nộp Báo cáo kết quả tự đánh giá sự phù hợp thì trong Bản công bố hợp quy, nội dung căn cứ vào Báo cáo kết quả tự đánh giá sự phù hợp số sẽ không hợp lý.

4) Đối với yêu cầu nộp “bản sao giấy tờ thể hiện tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật”: đề nghị thay bằng “bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức); Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân)”.

Lý do: Để đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, và thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 06/2009/TT-BTTTT ngày 24/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông.

32. Công bố hợp quy cho các sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy - B-BTT-115319-TT**a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thành phần hồ sơ và mẫu đơn:

1) Bãi bỏ yêu cầu nộp Đơn đăng ký công bố hợp quy và bãi bỏ mẫu Đơn đăng ký công bố hợp quy.

Lý do: Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Đơn đăng ký công bố hợp quy là không cần thiết, vì trong thành phần hồ sơ có Bản công bố hợp quy mang đầy đủ các thông tin yêu cầu trong Đơn đăng ký công bố hợp quy.

2) Đối với yêu cầu nộp thành phần hồ sơ “bản sao Giấy tờ thể hiện tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật”: đề nghị thay bằng “bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức); Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân)”.

Lý do: Để đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, và thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 06/2009/TT-BTTTT ngày 24/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông.

33. Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị chưa có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm - B-BTT-115669-TT**a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Về thành phần hồ sơ:

1) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Văn bản quy định TTHC này chưa quy định rõ số lượng bộ hồ sơ.

2) Đối với yêu cầu nộp thành phần hồ sơ “bản sao Giấy tờ thể hiện tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật”: đề nghị thay bằng “bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức); Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân)”.

Lý do: Để đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, và thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 06/2009/TT-BTTTT ngày 24/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm chuyên

ngành công nghệ thông tin và truyền thông.

34. Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị đã có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm và sản phẩm nhập khẩu

a) Nội dung đơn giản hóa:

1) Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Văn bản quy định TTHC này chưa quy định rõ số lượng bộ hồ sơ.

2) Đối với yêu cầu nộp thành phần hồ sơ “bản sao Giấy tờ thể hiện tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật”: đề nghị thay bằng “bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức); Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân)”.

Lý do: Để đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, và thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 06/2009/TT-BTTTT ngày 24/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông.

35. Công bố chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông - B-BTT-028132-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện và số lượng bộ hồ sơ của TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật.

- Về thành phần hồ sơ và mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Sửa đổi mẫu công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông: Trong mẫu công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông, thay cụm từ “Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin” bằng “Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông”, thay cụm từ “Bộ Bưu chính, Viễn thông” bằng “Bộ Thông tin và Truyền thông”.

Lý do: Trong mẫu Công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông, vẫn sử dụng tên cũ của Cục là Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin và tên cũ của Bộ là Bộ Bưu chính, Viễn thông.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Phụ lục I Quyết định số 33/2006/QĐ-BBCVT ngày 06/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông Ban hành Quy định về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông

36. Công bố sự phù hợp đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông - B-BTT-115287-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: trình tự, cách thức thực hiện và số lượng bộ hồ sơ của TTHC này chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong VBQPPL.

- Về thành phần hồ sơ và mẫu đơn:

1) Bãi bỏ yêu cầu nộp Giấy chứng nhận kiểm định (đối với công trình viễn thông thuộc “Danh mục công trình viễn thông bắt buộc kiểm định”) trong thành phần hồ sơ;

Lý do: Việc yêu cầu doanh nghiệp nộp Giấy chứng nhận kiểm định (đối với công trình viễn thông thuộc “Danh mục công trình viễn thông bắt buộc kiểm định”) là không cần thiết vì tại cơ quan quản lý nhà nước có bản lưu Giấy chứng nhận kiểm định đã cấp cho doanh nghiệp.

2) Bãi bỏ yêu cầu nộp Kết quả tự đánh giá sự phù hợp trong thành phần hồ sơ yêu cầu doanh nghiệp phải nộp;

Lý do: Việc yêu cầu doanh nghiệp cung cấp Kết quả tự đánh giá sự phù hợp là không cần thiết vì Bản công bố sự phù hợp mà doanh nghiệp cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước đã bao hàm sự tự đánh giá sự phù hợp của công trình viễn thông;

3) Bãi bỏ yêu cầu nộp Đơn đăng ký công bố sự phù hợp công trình viễn thông trong thành phần hồ sơ yêu cầu doanh nghiệp phải nộp;

Lý do: Việc yêu cầu doanh nghiệp nộp Đơn đăng ký công bố sự phù hợp công trình viễn thông là không cần thiết vì các thông tin yêu cầu doanh nghiệp khai, điền trong Đơn đăng ký công bố sự phù hợp công trình viễn thông có thể tìm thấy trong Bản công bố sự phù hợp;

4) Sửa mẫu Bản công bố sự phù hợp: Trong phần căn cứ thay “Kết quả tự đánh giá sự phù hợp” bằng “Kết quả đo kiểm công bố sự phù hợp công trình viễn thông”.

Lý do: Trong trường hợp bỏ Kết quả tự đánh giá sự phù hợp thì trong Bản công bố sự phù hợp, phần căn cứ nếu căn cứ theo “Kết quả tự đánh giá sự phù hợp” sẽ không hợp lý.

- Đề nghị thay “Giấy tờ thể hiện tư cách pháp nhân của doanh nghiệp” bằng bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Lý do: Để đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, và thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ.

- Sửa một số lỗi soạn thảo trong căn cứ pháp lý của TTHC (Thông tư số 11/2009/TT-BTTTT ngày 24/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Danh mục công trình viễn thông bắt buộc công bố sự phù hợp): Thay cụm từ “Thông tư số 11/2009/QĐ-BTTTT” bằng cụm từ “Thông tư số 11/2009/TT-BTTTT”; thay cụm từ “TCVN 68-255:2006” bằng cụm từ “TCN 68-255:2006”.

Lý do: Trang 2 của Thông tư số 11/2009/TT-BTTTT: Nhằm ký hiệu của văn bản trong cụm từ “Thông tư số 11/2009/QĐ-BTTTT” và nhằm mã hiệu tên tiêu chuẩn ngành: TCVN 68-255:2006.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 09/2009/TT-BTTTT ngày 24/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về Kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông.

- Sửa đổi Thông tư số 11/2009/TT-BTTTT ngày 24/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Danh mục công trình viễn thông bắt buộc công bố sự phù hợp.

37. Đăng ký hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam - B-BTT-094027-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ: Chỉ yêu cầu nộp bản sao(kèm bản gốc để đối chiếu nếu nộp hồ sơ trực tiếp, trường hợp gửi qua đường bưu điện vẫn phải có chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 5.3 Thông tư 09/2008/TT-BTTTT ngày 24/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet

38. Cấp phát sử dụng số hiệu mạng - B-BTT-094008-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về cách thức thực hiện:

1)Thay đổi phương thức thực hiện thủ tục hành chính, từ hình thức nộp công văn giấy tờ sang hình thức thực hiện trực tuyến thông qua gửi thư điện tử (email).

2)Chuyển hình thức nhận yêu cầu xin cấp phát số hiệu mạng từ nhận hồ sơ giấy tờ sang hình thức tiếp nhận qua thư điện tử và trả lời kết quả cấp phát qua thư điện tử.

Lý do: Nhằm giảm bớt phức tạp và chi phí cho tổ chức thực hiện thủ tục hành chính. Điều kiện hạ tầng viễn thông đã cho phép thực hiện được thủ tục trên.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điểm 2, điểm 4 mục III Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

39. Báo cáo Trung tâm VNCERT – Bộ TTTT về tình hình hoạt động của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet - B-BTT-027200-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm tần suất nộp báo cáo hàng tháng sang nộp báo cáo 6 tháng một lần.

Lý do: Giảm tải báo cáo cho doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí, nhân công và thời gian cho doanh nghiệp

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi nội dung đơn giản hoá tại Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30/12/2008.

40. Xác nhận đồng bộ cho hệ thống thiết bị nhập khẩu - B-BTT-067124-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện thủ tục hành chính;

Lý do: Hiện nay chưa có quy định cụ thể về thành phần hồ sơ và thời hạn thực hiện TTHC trong

các văn bản quy phạm pháp luật.

- Về mẫu đơn tờ khai: Đề nghị ban hành “Mẫu đơn đề nghị xác nhận thiết bị đồng bộ” và “Bảng kê danh mục thiết bị nhập khẩu đề nghị xác nhận thiết bị đồng bộ”.

b) Kiến nghị thực thi

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện và các mẫu tờ khai kèm theo để thực hiện thủ tục xin xác nhận thiết bị đồng bộ.

41. Cấp phép sử dụng Tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị VTĐ riêng lẻ (trừ vi ba, vệ tinh) và điện thoại kéo dài không dây. Số hồ sơ: B-BTT-037700-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ:

1) Bãi bỏ Bản khai xin cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ.

2) Đưa những nội dung không trùng lặp của Bản khai vào Đơn xin cấp phép

Lý do: Nội dung Đơn xin phép và Bản khai có sự trùng lặp thông tin nên không nhất thiết phải yêu cầu doanh nghiệp kê khai hai lần gây mất thời gian và công sức.

3) Sửa đổi tên Đơn xin cấp phép thành tên “Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

4) Bỏ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Lý do: Để đơn giản thủ tục hành chính và giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp;

5) Bỏ yêu cầu nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực Giấy phép thiết lập mạng, chỉ cần bản sao của giấy phép này.

Lý do: Giấy phép thiết lập mạng là do Bộ TTTT cấp nên chỉ cần bản sao là đủ.

6) Bổ sung thành phần hồ sơ: bản sao chứng minh thư nhân dân (có chứng thực nếu nộp qua đường bưu điện hoặc bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp) đối với cá nhân đề nghị cấp phép.

Lý do: Đối với trường hợp là cá nhân thì cơ quan quản lý cần nắm được thông tin cơ bản về cá nhân đó để phục vụ cho việc quản lý. Do đó khi cá nhân thực hiện thủ tục này thì trong thành phần hồ sơ cần có bản sao chứng minh thư.

- Về mẫu tờ khai:

1) Bỏ mục 1a, 1b, 1c, 1d và 1e ở phần Bản khai xin giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ (theo kiến nghị của TCTCT sau này là Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ)

2) Về các thông tin trong Phụ lục Các thông số kỹ thuật và khai thác của mạng thông tin VTĐ:

+ Bỏ mục 1a, 1i (Số sản xuất và Hãng sản xuất) ở phần “Đặc điểm thiết bị phát sóng”

Lý do: Các thông tin đó không phải là thông số kỹ thuật.

+ Về các thông tin về anten: Trong trường hợp DN có thay đổi độ cao của anten thì chỉ cần thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý sẽ đi kiểm tra, xác nhận.

Lý do: Đơn giản thủ tục cho doanh nghiệp, cá nhân.

3) Bổ sung mẫu đơn mới sau khi hoàn thiện vào văn bản quy phạm.

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bổ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bru chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt an ten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bổ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm d,đ Điều 17; điểm a,b,c khoản 1 Điều 18; điểm a,b khoản 8 Điều 18 của Nghị định 24/2004/NĐ ngày 14/01/2004 của Chính phủ.

- Hợp pháp hóa mẫu đơn, tờ khai và sửa nội dung mẫu đơn theo kiến nghị cụ thể nêu trên.

42. Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị phát sóng Phát thanh - Truyền hình - B-BTT-043641-TT .

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

1) Bãi bỏ Bản khai xin cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ.

2) Đưa những nội dung không trùng lặp của Bản khai vào Đơn xin cấp phép

Lý do: Nội dung Đơn xin phép và Bản khai có sự trùng lặp thông tin nên không nhất thiết phải yêu cầu doanh nghiệp kê khai hai lần gây mất thời gian và công sức.

3) Sửa đổi tên Đơn xin cấp phép thành tên “Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

4) Bổ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu bản sao(kèm bản gốc để đối chiếu nếu nộp trực tiếp, nếu nộp qua đường bưu điện thì phải có chứng thực) đối với Giấy phép hoạt động báo chí do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp (với đối tượng là cơ quan báo chí)” và Văn bản đề nghị của Bộ Văn hóa - Thông tin hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (với đối tượng chưa xếp loại là cơ quan báo chí, có nhiệm vụ phát lại chương trình của đài phát thanh, truyền hình Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”

Lý do: Để đơn giản hoá và tiết kiệm chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, doanh

nghiệp;

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bru chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt an ten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bỏ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm d,đ Điều 17; điểm a,b,c khoản 1 Điều 18; điểm a,b khoản 8 Điều 18 của Nghị định 24/2004/NĐ ngày 14/01/2004 của Chính phủ.

- Hợp pháp hóa mẫu đơn, tờ khai và sửa nội dung mẫu đơn theo kiến nghị cụ thể nêu trên.

43. Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị Vi ba – B-BTT-045877-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

1) Bãi bỏ Bản khai xin cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ.

2) Đưa những nội dung không trùng lặp của Bản khai vào Đơn xin cấp phép

Lý do: Nội dung Đơn xin phép và Bản khai có sự trùng lặp thông tin nên không nhất thiết phải yêu cầu doanh nghiệp kê khai hai lần gây mất thời gian và công sức.

3) Sửa đổi tên Đơn xin cấp phép thành tên “Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

4) Bỏ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Lý do: Để đơn giản thủ tục hành chính và giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp;

5) Bỏ yêu cầu nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực Giấy phép thiết lập mạng, chỉ cần bản sao của giấy phép này.

Lý do: Giấy phép thiết lập mạng là do Bộ TTTT cấp nên chỉ cần bản sao là đủ.

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bru chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt an ten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bỏ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm d,đ Điều 17; điểm a,b,c khoản 1 Điều 18; điểm a,b khoản 8 Điều 18 của Nghị định 24/2004/NĐ ngày 14/01/2004 của Chính phủ.

- Hợp pháp hóa mẫu đơn, tờ khai và sửa nội dung mẫu đơn theo kiến nghị cụ thể nêu trên.

44. Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối các mạng dùng riêng – B-BTT-050514-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

1) Bãi bỏ Bản khai xin cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ.

2) Đưa những nội dung không trùng lặp của Bản khai vào Đơn xin cấp phép.

Lý do: Nội dung Đơn xin phép và Bản khai có sự trùng lặp thông tin nên không nhất thiết phải yêu cầu doanh nghiệp kê khai hai lần gây mất thời gian và công sức.

3) Sửa đổi tên Đơn xin cấp phép thành tên “Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

3) Đưa nội dung Giấy phép thiết lập mạng đối với các mạng vô tuyến dùng riêng liên lạc với đối tượng khác ngoài mạng của mình và giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng cho cơ quan đại diện nước ngoài vào nội dung giấy phép tần số VTĐ; các trường hợp khác, cần có giấy phép thiết lập mạng, yêu cầu bản sao giấy phép thiết lập mạng mà không cần công chứng.

4) Bỏ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Lý do: Để đơn giản thủ tục hành chính và giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp;

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bru chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt an ten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bỏ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm d,đ Điều 17; điểm a,b,c khoản 1 Điều 18; điểm a,b khoản 8 Điều 18 của Nghị định 24/2004/NĐ ngày 14/01/2004 của Chính phủ.

- Hợp pháp hóa mẫu đơn, tờ khai và sửa nội dung mẫu đơn theo kiến nghị cụ thể nêu trên.

45. Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị thông tin vệ tinh – B-BTT-050673-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

1) Bãi bỏ Bản khai xin cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ.

2) Đưa những nội dung không trùng lặp của Bản khai vào Đơn xin cấp phép.

Lý do: Nội dung Đơn xin phép và Bản khai có sự trùng lặp thông tin nên không nhất thiết phải yêu cầu doanh nghiệp kê khai hai lần gây mất thời gian và công sức.

3) Sửa đổi tên Đơn xin cấp phép thành tên “Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

4) Bỏ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Lý do: Để đơn giản thủ tục hành chính và giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp;

5) Bỏ yêu cầu nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực Giấy phép thiết lập mạng, chỉ cần bản sao của giấy phép này.

Lý do: Giấy phép thiết lập mạng là do Bộ TTTT cấp nên chỉ cần bản sao là đủ.

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bru chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt an ten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bỏ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm d,đ Điều 17; điểm a,b,c khoản 1 Điều 18; điểm a,b khoản 8 Điều 18 của Nghị định 24/2004/NĐ ngày 14/01/2004 của Chính phủ.

- Hợp pháp hóa mẫu đơn, tờ khai và sửa nội dung mẫu đơn theo kiến nghị cụ thể nêu trên.

46. Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài tàu biển –B-BTT-050800-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

1) Bãi bỏ Bản khai xin cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ.

2) Đưa những nội dung không trùng lặp của Bản khai vào Đơn xin cấp phép.

Lý do: Nội dung Đơn xin phép và Bản khai có sự trùng lặp thông tin nên không nhất thiết phải yêu cầu doanh nghiệp kê khai hai lần gây mất thời gian và công sức.

3) Sửa đổi tên Đơn xin cấp phép thành tên “Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

4) Bỏ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Lý do: Để đơn giản thủ tục hành chính và giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp;

5) Bỏ yêu cầu nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực Giấy phép thiết lập mạng, chỉ cần bản sao của giấy phép này.

Lý do: Giấy phép thiết lập mạng là do Bộ TTTT cấp nên chỉ cần bản sao là đủ.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Rút thời hạn giải quyết cấp phép xuống còn 7 ngày làm việc;

Lý do: Thành phần hồ sơ của thủ tục này không quá phức tạp. Mặt khác số lượng doanh nghiệp xin cấp giấy phép này không nhiều nên cơ quan quản lý có thể thụ lý và giải quyết hồ sơ nhanh gọn, tiết kiệm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bổ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bru chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt an ten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bổ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

3) Sửa đổi điều kiện 5 “chứng chỉ vô tuyến điện viên do Bộ Bru chính Viễn thông cấp hoặc công nhận” cho phù hợp với đề xuất mới về việc phân cấp cho đơn vị đào tạo trực tiếp cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi điểm c,d,đ Điều 17; điểm a,b,c khoản 1 Điều 18; điểm a,b khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 21 của Nghị định 24/2004/NĐ ngày 14/01/2004 của Chính phủ.

- Hợp pháp hóa mẫu đơn, tờ khai và sửa nội dung mẫu đơn theo kiến nghị cụ thể nêu trên.

47. Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài tàu sông –B-BTT-155269-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

1) Bãi bỏ Bản khai xin cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ.

2) Đưa những nội dung không trùng lặp của Bản khai vào Đơn xin cấp phép.

Lý do: Nội dung Đơn xin phép và Bản khai có sự trùng lặp thông tin nên không nhất thiết phải yêu cầu doanh nghiệp kê khai hai lần gây mất thời gian và công sức.

3) Sửa đổi tên Đơn xin cấp phép thành tên “Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

4) Bổ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên

nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Lý do: Để đơn giản thủ tục hành chính và giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp;

5) Bỏ yêu cầu nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực Giấy phép thiết lập mạng, chỉ cần bản sao của giấy phép này.

Lý do: Giấy phép thiết lập mạng là do Bộ TTTT cấp nên chỉ cần bản sao là đủ.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Rút thời hạn giải quyết cấp phép xuống còn 7 ngày làm việc;

Lý do: Thành phần hồ sơ của thủ tục này không quá phức tạp. Mặt khác số lượng doanh nghiệp xin cấp giấy phép này không nhiều nên cơ quan quản lý có thể thụ lý và giải quyết hồ sơ nhanh gọn, tiết kiệm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bru chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt an ten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bỏ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật..

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm d,đ Điều 17; điểm a,b,c khoản 1 Điều 18; điểm a,b khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 21 của Nghị định 24/2004/NĐ ngày 14/01/2004 của Chính phủ.

- Hợp pháp hóa mẫu đơn, tờ khai và sửa nội dung mẫu đơn theo kiến nghị cụ thể nêu trên.

48. Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá –B-BTT-050847-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

1) Bỏ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Lý do: Để đơn giản thủ tục hành chính và giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp;

2) Bỏ yêu cầu nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực Giấy phép thiết lập mạng, chỉ cần bản sao của giấy phép này.

Lý do: Giấy phép thiết lập mạng là do Bộ TTTT cấp nên chỉ cần bản sao là đủ.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Rút thời hạn giải quyết cấp phép xuống còn 7 ngày làm việc;

Lý do: Thành phần hồ sơ của thủ tục này không quá phức tạp. Mặt khác số lượng doanh nghiệp xin cấp giấy phép này không nhiều nên cơ quan quản lý có thể thụ lý và giải quyết hồ sơ nhanh gọn, tiết kiệm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt an ten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bỏ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm d,đ Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 18; điểm a,b khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 21 của Nghị định 24/2004/NĐ ngày 14/01/2004 của Chính phủ.

49. Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài bờ liên lạc với các phương tiện nghề cá – B-BTT-155270-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

1) Bỏ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Lý do: Để đơn giản thủ tục hành chính và giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp;

2) Bỏ yêu cầu nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực Giấy phép thiết lập mạng, chỉ cần bản sao của giấy phép này.

Lý do: Giấy phép thiết lập mạng là do Bộ TTTT cấp nên chỉ cần bản sao là đủ.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Rút thời hạn giải quyết cấp phép xuống còn 7 ngày làm việc;

Lý do: Thành phần hồ sơ của thủ tục này không quá phức tạp. Mặt khác số lượng doanh nghiệp xin cấp giấy phép này không nhiều nên cơ quan quản lý có thể thụ lý và giải quyết hồ sơ nhanh gọn, tiết kiệm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt anten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bỏ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm d,đ Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 18; điểm a,b khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 21 của Nghị định 24/2004/NĐ ngày 14/01/2004 của Chính phủ.

50. Xác nhận phù hợp tiêu chuẩn tương thích điện từ – Số hồ sơ B-BTT-048723-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ hoàn toàn thủ tục này.

Vì đây không phải là thủ tục hành chính

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Chương IV, Nghị định 24/NĐ-CP quy định về quản lý tương thích điện từ

51. Cấp giấy phép băng tần. Số hồ sơ: B-BTT-051235-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung quy định rõ ràng về trình tự thực hiện và cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư 02/2008/TT-BTTTT) để thuận tiện cho doanh nghiệp tra cứu, tìm hiểu thủ tục

Lý do: Trong văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện.

- Về thành phần hồ sơ:

Bỏ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Lý do: Để đơn giản thủ tục hành chính và giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp;

- Về mẫu đơn, tờ khai:

1) Đơn xin cấp giấy phép băng tần:

- Bỏ Mục 4, phần I: “Tên và địa chỉ của người liên lạc thường xuyên trong doanh nghiệp”

- Phần “Căn cứ ...” để trống để doanh nghiệp tự điền.
- Cần thay chữ “*xin*” trong cụm từ ”Đơn xin cấp giấy phép băng tần” bằng cụm từ “Đơn đề nghị cấp giấy phép băng tần”

2) Danh mục các thiết bị phát sóng VTĐ được đăng ký khai thác trong mạng thông tin VTĐ:

- Bỏ thông tin về “Nhãn hiệu thiết bị”, “Tổn hao Fider (dB)”
- Về yêu cầu, điều kiện: Bỏ toàn bộ yêu cầu điều kiện đã quy định ngoại trừ điều kiện: “Đối với mạng viễn thông công cộng phải có nhu cầu triển khai băng tần trên phạm vi toàn quốc”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư 02/2008/TT-BTTTT ngày 04/4/2008.
- Sửa đổi Điều 13, 14 Nghị định 24/2004/NĐ-CP ngày 14/01/2004.
- Ban hành văn bản mới thay thế Quyết định 503 của Tổng cục Bưu điện về mẫu tờ khai.

52. Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài thông tin vệ tinh (thiết bị thông tin dành cho cơ quan đại diện nước ngoài) – B-BTT-050911-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt anten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bỏ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi quy định tại Điểm d,đ, khoản 1, điều 17 Nghị định Số 24/2004/NĐ-CP, ngày 14/01/2004 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh BCVT về Tần số VTĐ.

53. Cấp phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với thiết bị truyền thanh không dây – B-BTT-072644-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt anten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô

tuyên điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bỏ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi quy định tại Điểm d,đ khoản 1, điều 17 Nghị định Số 24/2004/NĐ-CP, ngày 14/01/2004 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh BCVT về Tần số VTĐ.

54. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện - B-BTT-050696-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ:

Bỏ yêu cầu công chứng tài liệu, chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc Giấy phép thử nghiệm mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.

Lý do: Để đơn giản thủ tục hành chính và giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp;

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Khoản 1, Điều 18 của Nghị định Số 24/2004/NĐ-CP ngày 14/01/2004 qui định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh BCVT về Tần số VTĐ.

55. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện - B-BTT-051255-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ yêu cầu, điều kiện 3 “Địa điểm lắp đặt anten, chiều cao anten phải phù hợp với các quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông và các quy định khác của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không” và đưa điều kiện này vào qui trình hậu kiểm.

Lý do: Để tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo việc lắp đặt an ten phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, như quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an toàn bức xạ vô tuyến điện để đơn giản thủ tục hành chính.

2) Điều kiện 4:

+ Bỏ phần “thiết kế hệ thống thiết bị đảm bảo sử dụng tối ưu tần phổ vô tuyến điện”

Lý do: quy định trên còn chung chung, khó kiểm chứng

+ Gộp phần “tương thích điện từ trường” ở điều kiện 4 vào điều kiện 2

Lý do: vì nó có chung mục tiêu đảm bảo kỹ thuật.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi quy định tại Điểm d,đ khoản 1, điều 17 Nghị định Số 24/2004/NĐ-CP, ngày 14/01/2004

quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh BCVT về Tàn số VTĐ

56. Cấp giấy Chứng nhận Vô tuyến điện viên hàng hải - B-BTT-066471-TT

a) Nội dung kiến nghị:

- Bãi bỏ việc thực hiện thủ tục này.

- Lý do:

+ Việc cấp giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hàng hải không nhất thiết phải thực hiện ở Bộ.

+ Vụ Tổ chức cán bộ đang nghiên cứu để giao việc cấp giấy chứng nhận vô tuyến điện hàng hải cho các cơ sở đào tạo được cấp phép đào tạo vô tuyến điện viên hàng hải. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cơ sở đào tạo và người được cấp giấy chứng nhận, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính trong cơ quan nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 3 điều 2, khoản 1 điều 3, điều 14 Quyết định số 12/2008/QĐ-BTTTT ngày 31/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

57. Đổi giấy Chứng nhận Vô tuyến điện viên hàng hải đối với thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu mang cờ Việt Nam - B-BTT-115267-TT

a) Nội dung kiến nghị:

- Bãi bỏ việc thực hiện thủ tục này.

- Lý do:

+ Việc cấp giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hàng hải không nhất thiết phải thực hiện ở Bộ.

+ Vụ Tổ chức cán bộ đang nghiên cứu để giao việc cấp giấy chứng nhận vô tuyến điện hàng hải cho các cơ sở đào tạo được cấp phép đào tạo vô tuyến điện viên hàng hải. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cơ sở đào tạo và người được cấp giấy chứng nhận, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính trong cơ quan nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Khoản 3 điều 2, khoản 1 điều 3, điều 14 Quyết định số 12/2008/QDD-BTTTT ngày 31/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

58. Gia hạn, đổi, cấp lại giấy Chứng nhận Vô tuyến điện viên hàng hải - B-BTT-115268-TT

a) Nội dung kiến nghị:

- Bãi bỏ việc thực hiện thủ tục này.

- Lý do:

+ Việc cấp giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hàng hải không nhất thiết phải thực hiện ở Bộ.

+ Vụ Tổ chức cán bộ đang nghiên cứu để giao việc cấp giấy chứng nhận vô tuyến điện hàng hải cho các cơ sở đào tạo được cấp phép đào tạo vô tuyến điện viên hàng hải. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cơ sở đào tạo và người được cấp giấy chứng nhận, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính trong cơ quan nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Khoản 3 điều 2, khoản 1 điều 3, điều 14 Quyết định số 12/2008/QDD-BTTTT ngày

31/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

59. Cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình - B-BTT-061363-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, mẫu đơn mẫu tờ khai, yêu cầu điều kiện của thủ tục này vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Chưa có quy định cụ thể trong văn bản qui phạm pháp luật.

- Về mẫu đơn, tờ khai:

1) Đề nghị thay hình thức “ Bản khai đăng ký xin cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình” thành “ Đơn đề nghị cấp phép hoạt động PTTH”

Lý do: Hoạt động phát thanh-truyền hình là hoạt động tự thân của các cơ quan báo chí, do đó, họ có quyền đề nghị cơ quan nhà nước cấp phép.

2) Bổ sung phần: “Kính gửi: Cục quản lý PTTH & TTĐT” sau phần tiêu đề để xác định rõ cơ quan nhà nước thẩm định hồ sơ.

3) Gộp các danh sách, các bảng tổng hợp hiện có vào 1 bản khai duy nhất để tiện lợi cho doanh nghiệp trong khi chuẩn bị hồ sơ. Chỉ cần yêu cầu doanh nghiệp nộp “Bảng tổng hợp đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên, công nhân viên” và “Trích ngang sơ yếu lý lịch của lãnh đạo cơ quan báo đài”.

Lý do: việc yêu cầu phải khai đầy đủ các thông tin tại 02 bảng tổng hợp và 01 bảng danh sách là quá nhiều và rườm rà, bảng tổng hợp lực lượng nhân sự chỉ cần 1 bảng, bao gồm đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên, công nhân viên.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí.

60. Cấp giấy phép hoạt động truyền hình trả tiền – B-BTT-066918-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, mẫu đơn mẫu tờ khai, yêu cầu điều kiện của thủ tục này vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Chưa có quy định cụ thể trong văn bản qui phạm pháp luật.

- Về thành phần hồ sơ:

- Về mẫu “Đơn xin cấp giấy phép hoạt động truyền hình cáp”:

1) Bổ mục 5 “*Tên đơn vị thiết kế, xây dựng mạng truyền hình cáp*” và mục 6 “*Tên đơn vị duyệt thiết kế*”.

Lý do: Đây không phải các thông tin cần được quản lý.

2) Bổ mục 9,10 về “Số lượng người tham gia quản lý, điều hành mạng truyền hình cáp” và “Người chịu trách nhiệm quản lý nội dung chương trình truyền hình phát trên mạng truyền hình cáp”.

Lý do: Vì bộ máy nhân sự cần được tổng hợp theo 01 bảng riêng, tên là “*Bảng tổng hợp đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên, công nhân viên, kỹ thuật viên*”. Điều này có nghĩa là cần thay

đổi những khoản quy định tại mục 16 “Danh sách biên tập viên, biên dịch viên, kỹ thuật viên” bằng bảng mới có tên là: “*Bảng tổng hợp đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên, công nhân viên, kỹ thuật viên*” và có sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm trong thành phần hồ sơ.

3) Cần thay chữ “*xin*” trong cụm từ “Đơn xin cấp giấy phép hoạt động truyền hình cáp” bằng cụm từ “Đơn đề nghị cấp phép hoạt động truyền hình cáp”

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Luật Báo chí đã được Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28/12/1989, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí số 12/1999/QH ngày 12/6/1999.

- Nghị định 51/2002/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quyết định số 79/2002/QĐ-TTg ngày 18/6/2002

61. Giấy phép thu chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp qua vệ tinh - B-BBT-066637-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ TTHC này đối với đối tượng thu các chương trình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh do các Đài truyền hình của VN cung cấp.

Lý do: Hiện nay nhiều Đài truyền hình của Việt Nam đã phát sóng qua vệ tinh, và các chương trình truyền hình nước ngoài phục vụ nhân dân, do đó TTHC này không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội..

b) Kiến nghị thực thi:

-Thay thế khoản d, mục 1 điều 6 Quyết định số 79/2002/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2002 của chính phủ.

62. Giấy chứng nhận đăng ký cho cơ quan, tổ chức kinh doanh việc lắp đặt, sửa chữa thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh (TVRO) - B-BTT-066940-TT

a) Nội dung kiến nghị:

- Bãi bỏ toàn bộ TTHC.

- Lý do: Hiện nay nhiều Đài truyền hình của Việt Nam đã phát sóng qua vệ tinh, và các chương trình truyền hình nước ngoài phục vụ nhân dân, do đó TTHC này không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội.

b) Kiến nghị thực thi:

-Thay thế khoản d, mục 1 điều 6 Quyết định số 79/2002/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ.

63. Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp bộ giải mã chương trình truyền hình nước ngoài tại Việt Nam - B-BTT-066878-TT.

a) Nội dung kiến nghị:

- Bãi bỏ toàn bộ TTHC.

Lý do: Hiện nay nhiều Đài truyền hình của Việt Nam đã phát sóng qua vệ tinh, và các chương trình truyền hình nước ngoài phục vụ nhân dân, do đó TTHC này không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội.

b) Kiến nghị thực thi:

Thay thế khoản b, mục 1 điều 6 Quyết định số 79/2002/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2002 của chính phủ

64. Giấy chứng nhận đăng ký phân phối bộ giải mã chương trình truyền hình nước ngoài tại Việt nam - B-BTT-066878-TT

a) Nội dung kiến nghị:

- Bãi bỏ toàn bộ TTHC.

Lý do: Hiện nay nhiều Đài truyền hình của Việt Nam đã phát sóng qua vệ tinh, và các chương trình truyền hình nước ngoài phục vụ nhân dân, do đó TTHC này không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội.

b) Kiến nghị thực thi:

Thay thế khoản c, mục 1 điều 6 Quyết định số 79/2002/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2002 của chính phủ.

65. Cấp phép hoạt động báo điện tử - B-BTT-032692-TT

a) Nội dung kiến nghị:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung trình tự, cách thức thực hiện, mẫu đơn mẫu tờ khai của thủ tục này vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định cụ thể về nội dung trên.

- Thành phần hồ sơ:

1) Đối với đề án về việc thành lập báo điện tử, cần phân loại đối tượng: Báo điện tử thành lập mới thì phải có đề án chi tiết; Tuy nhiên đối với những cơ quan báo in muốn hoạt động báo điện tử thì chỉ cần phương án kỹ thuật và phương án kỹ thuật sẽ được bổ sung vào Đơn đề nghị cấp phép hoạt động báo điện tử.

Lý do: Đối với các cơ quan báo in đã có giấy phép hoạt động từ trước, việc bổ sung thêm hoạt động báo điện tử chỉ nên yêu cầu phương án kỹ thuật là đủ, không cần phải khai lại đề án từ đầu.

2) Gộp các danh sách, các bảng tổng hợp hiện có vào 1 bản khai duy nhất để tiện lợi cho doanh nghiệp trong khi chuẩn bị hồ sơ.

3) Thay bản sơ yếu bằng bản lý lịch trích ngang để đơn giản cho người thực hiện thủ tục.

- Về mẫu đơn, tờ khai:

1) Bổ các thông tin về “Phạm vi phát hành chủ yếu”, “Các chuyên trang”, “Số trang chủ” trong Mẫu “Bản khai đăng ký xin cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình”:

Lý do: Cơ quan quản lý chỉ cần soát xét, thẩm định hồ sơ dựa trên Bản in (**màu**) trang chủ (Homepage) và trang 1 của các chuyên trang và chuyên mục chính theo bản demo là đầy đủ và

rõ ràng, cụ thể nhất.

2) Cần bỏ phần “Nơi nhận” ở cuối của Tờ khai:

Lý do: Tờ khai không phải là công văn hành chính, nên không cần thiết phải ghi “Nơi nhận”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 qui định chi tiết thi hành Luật báo chí, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật báo chí.

66. Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp - B-BTT-061353-TT

a) Nội dung kiến nghị:

- Bãi bỏ TTHC này và phân cấp cho UBND tỉnh thực hiện.

Lý do: Hiện nay số lượng các đơn vị đăng ký thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp rất lớn, các đơn vị xin cấp phép ở địa phương trên cả nước, do đó để thuận tiện cho các đơn vị xin cấp phép và để việc kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với các trang thông tin điện tử tổng hợp hiệu quả và kịp thời, đề xuất phân cấp cho UBND tỉnh giao cho các Sở TT & TT thực hiện. Trong quá trình xây dựng Thông tư hướng dẫn Nghị định 97 Cục đã đề xuất việc cấp phép trang thông tin điện tử tổng hợp phân cấp về các Sở thông tin và truyền thông, hiện nay đã trình phương án và đang chờ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 21 của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2008.

67. Cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

a) Nội dung kiến nghị:

- Bãi bỏ TTHC này và phân cấp cho UBND tỉnh thực hiện.

Lý do: Hiện nay số lượng các đơn vị đăng ký thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp rất lớn, các đơn vị xin cấp phép ở địa phương trên cả nước, do đó để thuận tiện cho các đơn vị xin cấp phép và để việc kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với các trang thông tin điện tử tổng hợp hiệu quả và kịp thời, đề xuất phân cấp cho UBND tỉnh giao cho các Sở TT & TT thực hiện. Trong quá trình xây dựng Thông tư hướng dẫn Nghị định 97 Cục đã đề xuất việc cấp phép trang thông tin điện tử tổng hợp phân cấp về các Sở thông tin và truyền thông, hiện nay đã trình phương án và đang chờ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 21 của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2008.

68. Cấp giấy phép mua tin kinh tế - B-BTT-037202-TT

a) Nội dung kiến nghị:

Đề nghị bãi bỏ hoàn toàn thủ tục này

Lý do:

- Căn cứ thực tiễn:

Từ khi có quy định về mua tin kinh tế đến nay (gần 17 năm), không có văn bản luật và văn bản dưới luật quy định về vấn đề này. Điều này có nghĩa việc mua tin kinh tế không có những vấn đề thực tiễn cần sự điều chỉnh của pháp luật. Xã hội hiện nay là xã hội thông tin, các thông tin kinh tế tràn ngập trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tin kinh tế là một sản phẩm, chuyển tải các thông tin kinh tế. Mà thông tin kinh tế là một trong số những thông tin bình thường nhất trong đời sống xã hội, không phải là thông tin có tính chất “nhạy cảm”, “đặc biệt”. Do đó, không cần thiết phải đưa ra thủ tục hành chính đối với việc mua tin kinh tế trên.

- Căn cứ pháp lý: Có 2 văn bản dưới luật quy định về thủ tục này là:

i. Quyết định số 118-TTg ngày 26/3/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc mua tin kinh tế chuyên ngành của hãng tin nước ngoài;

ii. Quyết định 776/QĐ-BC ngày 21/6/1993 của Bộ Văn hóa Thông tin ban hành Quy chế tạm thời về việc mua tin kinh tế của các hãng tin nước ngoài.

Phân tích 2 quyết định này cho thấy không đúng về thẩm quyền ban hành văn bản và không đúng về nội dung quy định.

- Không đúng về thẩm quyền:

Tại điều 6 Quyết định 118-TTg nói trên có ghi: *“Căn cứ quyết định này, Bộ Văn hoá – Thông tin phối hợp với Tổng cục Bưu điện và các cơ quan hữu quan soạn thảo và ban hành Quy chế tạm thời xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các bên mua và bán tin, cũng như các hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm các quy định trong quyết định này và pháp luật liên quan.”*

Tuy nhiên, ngày 21/6/1993, Bộ văn hoá Thông tin lại Ban hành quy chế tạm thời mà không có sự phối hợp với cơ quan nào, chỉ dựa vào đề nghị của Vụ trưởng Vụ báo chí, như vậy là không có đầy đủ thẩm quyền như quy định của Quyết định 118-TTg. Vì Quyết định này yêu cầu Bộ Văn hoá – Thông tin phối hợp với Tổng cục Bưu điện và các cơ quan hữu quan để soạn thảo và ban hành Quy chế.

Do không đầy đủ thẩm quyền khi ban hành Quy chế nên nội dung quy chế không đầy đủ, không có sự phối hợp của các cơ quan hữu quan, do đó, không có đầy đủ tính pháp lý và tính bắt buộc.

- Không đúng về nội dung:

Tại điều 3 của Quyết định 776/QĐ-BC ngày 21/6/1993 của Bộ Văn hóa Thông tin có ghi:

“Những tổ chức mua tin trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài, các tổ chức quốc tế có văn phòng đại diện tại Việt Nam chỉ được sử dụng tin trong nội bộ tổ chức của mình; không được bán lại hoặc đăng tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.”

Lý do: Các thông tin kinh tế là để phục vụ người dân, doanh nghiệp, nên cần được chuyển tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Có thể do năm 1993, cơ chế kinh tế thời kỳ đó chưa mở cửa, chưa hội nhập nên đặt ra quy định trên là hợp lý. Tuy nhiên, hiện nay, trong quá trình hội nhập sâu rộng của nền kinh tế nước ta, thì việc thực hiện những quy định tại Quyết định 776/QĐ-BC là không phù hợp và cần bãi bỏ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Huỷ bỏ Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 26/3/1993 của Thủ tướng Chính phủ.

69. Xét duyệt nội dung, kịch bản của trò chơi trực tuyến - B-BTT-066441-TT

a) Nội dung kiến nghị:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong các văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định cụ thể về nội dung trên.

- Về thành phần hồ sơ: Bỏ 2 thành phần hồ sơ sau:

1) Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm;

2) Cam kết của doanh nghiệp bằng văn bản của người đứng đầu doanh nghiệp về việc cung cấp những trò chơi có nội dung không vi phạm các quy định Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 60/2006/TTLT-BVHTT-BBCVT-BCA ngày 01/6/2006 về quản lý trò chơi trực tuyến.

Lý do:

+ Sơ yếu lý lịch là được yêu cầu xem xét là để chứng minh nhân thân của người khai ký lịch. Còn bản thân trò chơi trực tuyến là sản phẩm của một tập thể người, của nhiều công đoạn kỹ thuật. Do đó, việc xem xét sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm không có căn cứ và cơ sở pháp lý.

+ Nội dung Cam kết đã được thể hiện trong tờ khai, là một phần quan trọng của tờ khai, gắn với tờ khai, không thể tách riêng ra 1 thành phần hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 6, Thông tư số 60/2006 TTLT-BVHTT-BBCVT-BCA ngày 01/6/2006 về quản lý trò chơi trực tuyến.

70. Đăng ký quảng cáo trên mạng thông tin máy tính

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ TTHC và phân cấp cho UBND tỉnh thực hiện

Lý do: Theo Qui định tại khoản 2 mục II Thông tư liên tịch số 85/2008/TTLT-BVHTTDL-BTTTT tại điểm hướng dẫn đăng ký quảng cáo trên mạng thông tin máy tính có qui định trong 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo. Cơ quan quản lý phải có trách nhiệm kiểm tra các sản phẩm quảng cáo gửi đến đăng ký, theo dự kiến 01 ngày làm việc Cục sẽ phải tiếp nhận hàng trăm hồ sơ đăng ký quảng cáo, đơn vị trực tiếp là Phòng Thông tin điện tử thuộc Cục, với số lượng định biên cho phép không thể đáp ứng nên việc thực hiện được nhiệm vụ là rất khó khăn, do vậy nên phân cấp toàn bộ nội dung này.

b) Kiến nghị thực thi:

Kiến nghị sửa đổi Quy định tại khoản 2 mục II Thông tư liên tịch số 85/2008/TTLT-BVHTTDL-BTTTT tại điểm hướng dẫn đăng ký quảng cáo trên mạng thông tin máy tính.

71. Cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng – B-BTT-136051-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm chưa quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện và thành phần hồ sơ của thủ tục này.

- Về thành phần hồ sơ:

Thay yêu cầu “thông tin chi tiết về nhân thân của người đứng đầu” bằng yêu cầu phải nộp lý lịch trích ngang. Đề nghị ban hành mẫu bản khai về nhân thân trong đó có nêu những thông tin cần thiết mà người đứng đầu phải khai.

Lý do: Quy định như trên gây khó hiểu và không rõ ràng.

- Về số lượng bộ hồ sơ: Thay thế quy định nộp 06 bộ gốc bằng nộp 02 bộ gốc và 04 bộ sao.

Lý do: Cơ quan quản lý chỉ cần kiểm chứng độ xác thực của hồ sơ qua 01 bộ hồ sơ gốc, còn 01 bộ doanh nghiệp sẽ giữ. Mặt khác việc quy định trên tạo thuận lợi và tiết kiệm rất nhiều chi phí cho doanh nghiệp.

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Cần làm rõ quy định về hiểu biết pháp luật về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của người đại diện ở điều kiện về nhân sự số 3b.

Lý do: Quy định hiểu biết về pháp luật là rất mơ hồ, gây hiểu lầm cho tổ chức khi thực hiện thủ tục.

2) Cần làm rõ yêu cầu “không có tiền án, tiền sự” tại điều kiện 3a và quy định rõ giấy tờ chứng minh điều kiện trên

Lý do: việc không qui định rõ tài liệu chứng minh sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 15, 16, Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007.

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới qui định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện.

72. Thay đổi nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng– B-BTT-139008-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm chưa quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện của thủ tục này.

-Về thành phần hồ sơ: Bỏ quy định “các tài liệu cần thiết khác”

Lý do: Quy định này gây khó khăn cho doanh nghiệp, bản thân 4 thành phần hồ sơ đã đầy đủ các thông tin cần thiết cho cơ quan quản lý.

- Về số lượng bộ hồ sơ: Thay thế quy định nộp 06 bộ gốc bằng nộp 02 bộ gốc và 04 bộ sao.

Lý do: Cơ quan quản lý chỉ cần kiểm chứng độ xác thực của hồ sơ qua 01 bộ hồ sơ gốc, còn 01 bộ doanh nghiệp sẽ giữ. Mặt khác việc quy định trên tạo thuận lợi và tiết kiệm rất nhiều chi phí cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới qui định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện.
- Sửa Điều 18, Nghị định 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007

73. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng - B-BTT-139022-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm chưa quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện của thủ tục này.

b) Kiến nghị thực thi

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật qui định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện.
- Sửa Điều 18, Nghị định 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007

74. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng - B-BTT-139028-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị bãi bỏ thủ tục gia hạn này.

Lý do: Khi giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp sẽ làm thủ tục cấp lại giấy phép. Vì vậy không cần phải có thủ tục gia hạn. Hơn nữa theo qui định tại điều 19 Nghị định 26/2007/NĐ-CP giấy phép chỉ được gia hạn một lần và thời hạn không quá 1 năm, qui định này gây khó khăn cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 19, Nghị định 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007

75. Xin cấp chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng- B-BTT-139035-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về tên của thủ tục: Sửa lại tên thủ tục thành “Cấp chứng thư số đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng”..

Lý do: đảm bảo dễ hiểu, rõ ràng, tránh gây hiểu lầm. Từ “của” trong tên thủ tục này lại khiến cho người thực hiện thủ tục hiểu nhầm cơ quan thực hiện thủ tục này.

- Về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm chưa quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện của thủ tục này.

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ yêu cầu nộp “Các giấy tờ khác theo quy định trong quy chế chứng thực của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia công bố tại trang thông tin điện tử <http://www.rootca.gov.vn>”

Lý do: Việc qui định như trên gây khó cho doanh nghiệp, cần tránh việc doanh nghiệp phải truy

cập qua nhiều trang web mới biết đủ thông tin về một thủ tục. Thực tế qua kiểm tra, trên trang web hiện tại không tìm thấy thông tin về các giấy tờ khác.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 21, Chương 4, Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007.
- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật qui định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện.

76. Đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng - B-BTT-139041-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị sửa đổi tên thủ tục: “Chứng nhận đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng”

Lý do: Kết quả của thủ tục này là giấy chứng nhận và phù hợp với quy định của cơ quan trong việc đặt ra thủ tục, nên đặt lại tên cho đúng.

- Về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm chưa quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện của thủ tục này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Điều 46, Mục 1, Chương 6, Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007.
- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật qui định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện.

77. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chữ ký số - B-BTT-139047-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về tên thủ tục: đề nghị sửa thành “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chữ ký số chuyên dùng”

Lý do: Đối tượng của thủ tục này chỉ là các cơ quan nhà nước, không phải là các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chứng thực chữ ký số, vì vậy phải bổ sung chữ “chuyên dùng” để làm rõ đối tượng.

- Về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm chưa quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện của thủ tục này.

- Về thành phần hồ sơ:

Đề nghị bỏ câu “và các thông tin cần thiết khác” trong Đề án cung cấp dịch vụ.

Lý do: Không nên quy định chung chung, gây khó hiểu cho doanh nghiệp khi khai và thẩm định hồ sơ.

- Về số lượng bộ hồ sơ: Thay thế quy định nộp 06 bộ gốc bằng nộp 02 bộ gốc và 04 bộ sao.

Lý do: Cơ quan quản lý chỉ cần kiểm chứng độ xác thực của hồ sơ qua 01 bộ hồ sơ gốc, còn 01 bộ doanh nghiệp sẽ giữ. Mặt khác việc quy định trên tạo thuận lợi và tiết kiệm rất nhiều chi phí cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Điều 49, Mục 2, Chương 6, Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007.
- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật qui định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện.

78. Công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài - B-BTT-139053-TT**a) Nội dung đơn giản hóa:**

- Về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong văn bản quy phạm chưa quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện của thủ tục này.

- Về thành phần hồ sơ:

1) Đề nghị bỏ “Các nội dung khác theo yêu cầu của Bộ Bưu chính, Viễn thông” trong thành phần hồ sơ.

Lý do: Quy định không rõ ràng, chi tiết gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

2) Đề nghị bỏ “ Biên lai thu lệ phí thẩm tra”

Lý do: Biên lai là do cơ quan nhà nước cấp cho doanh nghiệp khi đóng phí, doanh nghiệp phải giữ bản gốc để làm bằng chứng. Cơ quan nhà nước giữ liên gốc nên có thể tự kiểm tra.

- Về số lượng bộ hồ sơ: Thay thế quy định nộp 06 bộ gốc bằng nộp 02 bộ gốc và 04 bộ sao.

Lý do: Cơ quan quản lý chỉ cần kiểm chứng độ xác thực của hồ sơ qua 01 bộ hồ sơ gốc, còn 01 bộ doanh nghiệp sẽ giữ. Mặt khác việc quy định trên tạo thuận lợi và tiết kiệm rất nhiều chi phí cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Điều 53, Chương 7, Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007.

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật qui định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện.

79. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động báo chí - B-BTT-029828-TT.**a. Nội dung đơn giản hóa:**

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung trình tự, cách thức thực hiện cho thủ tục này vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong Luật Báo chí và Nghị định 51/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Báo chí có quy định: Cơ quan QLNN về báo chí ban hành, hướng dẫn về quy trình, trình tự, thành phần hồ sơ. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có quy định về trình tự, cách thức thực hiện.

- Về thành phần hồ sơ:

Đề nghị quy định rõ các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết đảm bảo hoạt động của cơ quan báo chí.

Lý do: Vì trong yêu cầu, điều kiện có nêu yêu cầu về “Có trụ sở chính thức, có cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết bảo đảm cho hoạt động của cơ quan báo chí”. Điều kiện này chưa cụ thể nên cần có quy định rõ ràng về tài liệu chứng minh yêu cầu trên.

- Về nội dung tờ khai:

1) Đề nghị gộp danh sách cán bộ phụ trách các phòng ban nghiệp vụ báo chí và bảng tổng hợp

đội ngũ phóng viên, biên tập viên.

Lý do: Đơn giản các bản khai mà doanh nghiệp, tổ chức phải thực hiện khi chuẩn bị hồ sơ.

2) Tờ khai đề nghị bỏ phần “Nơi nhận”.

Lý do: Tờ khai là mẫu văn bản của cơ quan Nhà nước, không phải là công văn hành chính nên không cần thiết phải ghi “Nơi nhận”. Ngoài ra, việc thêm mẫu bản khai chủ yếu liên quan đến quy trình nội bộ phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và cơ quan đầu mối tiếp nhận, chủ trì thẩm định đã là Cục Báo chí.

- Về yêu cầu điều kiện:

1) Đề nghị làm rõ quy định điều kiện về “Có cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết bảo đảm cho hoạt động của cơ quan báo chí”.

Lý do: Quy định này không rõ ràng gây khó cho tổ chức thực hiện thủ tục.

2) Đề nghị bỏ quy định điều kiện: “Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW chúng nhận có đủ điều kiện để hoạt động báo chí”.

Lý do: Pháp luật không quy định khi nào thì một cơ quan (cơ quan chủ quản) được coi là đủ điều kiện hoạt động báo chí, do vậy, Chủ tịch UBND cấp tỉnh không có căn cứ để đưa ra xác nhận này. Việc xem xét cấp phép thành lập cơ quan báo chí theo thủ tục hành chính này theo luật báo chí thuộc thẩm quyền Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Kiến nghị thực thi:

- Ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định 51/2002/NĐ-CP của Chính phủ.

- Sửa đổi Điều 17, Luật Báo chí (sửa đổi)

- Sửa đổi Điều 9, Nghị định 51/2002/NĐ-CP của Chính phủ

80. Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những quy định trong Giấy phép hoạt động báo chí- B-BTT-030103-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ: Bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ cho thủ tục này vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong Luật Báo chí và Nghị định 51 hướng dẫn thi hành Luật Báo chí quy định cơ quan QLNN về báo chí ban hành thành phần hồ sơ. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có mẫu hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Ban hành thông tư hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo chí và hướng dẫn Điều 19, Luật Báo chí (sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí).

81. Cho phép sửa đổi những quy định trong Giấy phép hoạt động báo chí - B-BTT-030415-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính này.

Lý do: Cơ quan, tổ chức đã phải thực hiện thủ tục để được cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những quy định trong Giấy phép hoạt động báo chí. Việc thực hiện thủ tục này sẽ gây chông

chéo và tốn kém cho cơ quan, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 19 Luật Báo chí (sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí)

82. Cấp giấy phép xuất bản số phụ- B-BTT-030132-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ: Bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ cho thủ tục này vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong Luật Báo chí và Nghị định 51 hướng dẫn thi hành Luật Báo chí quy định cơ quan QLNN về báo chí ban hành thành phần hồ sơ. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có mẫu hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Rút ngắn thời hạn giải quyết xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc thẩm định hồ sơ đơn giản, không phải qua các cơ quan phối hợp nên rút ngắn thời gian là cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi:

Đề nghị ban hành quy định hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo chí và hướng dẫn Điều 13, Nghị định 51/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Báo chí

83. Cấp giấy phép xuất bản phụ trương- B-BBT030146-TT

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ: Bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ cho thủ tục này vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong Luật Báo chí và Nghị định 51 hướng dẫn thi hành Luật Báo chí quy định cơ quan QLNN về báo chí ban hành thành phần hồ sơ. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có mẫu hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Rút ngắn thời hạn giải quyết xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc thẩm định hồ sơ đơn giản, không phải qua các cơ quan phối hợp nên rút ngắn thời gian là cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị xây dựng Thông tư hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo chí. Quy định chi tiết Điều 13, Nghị định 51/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Báo chí.

84. Cấp giấy phép xuất bản đặc san-B-BTT-030161-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ: Bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ cho thủ tục này vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Trong Luật Báo chí và Nghị định 51 hướng dẫn thi hành Luật Báo chí quy định cơ quan

QLNN về báo chí ban hành thành phần hồ sơ. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có mẫu hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Rút ngắn thời hạn giải quyết xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc thẩm định hồ sơ đơn giản, không phải qua các cơ quan phối hợp nên rút ngắn thời gian là cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị xây dựng Thông tư hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo chí. Quy định chi tiết Điều 13, Nghị định 51/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Báo chí.

85. Cấp Giấy phép phát hành báo chí Việt Nam ra nước ngoài-B-BTT-132256-TT

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ TTHC này, không cần xin phép.

Lý do: Khuyến khích việc cơ quan báo chí đưa các ấn phẩm của mình ra nước ngoài, tăng cường công tác thông tin đối ngoại.

b. Kiến nghị thực thi: Cơ quan báo chí chỉ cần có báo cáo hàng năm về việc phát hành báo chí Việt Nam ra nước ngoài.

86. Cấp Giấy phép In và phát hành báo chí Việt Nam ở nước ngoài-B-BTT-032469-TT

a. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ hoàn toàn TTHC này.

Lý do:

+ Khuyến khích việc cơ quan báo chí đưa các ấn phẩm của mình ra nước ngoài, tăng cường công tác thông tin đối ngoại.

+ Báo chí đã được phát hành tại Việt Nam có thể được phát hành tại nước ngoài với điều kiện bản phát hành tại nước ngoài phải giống bản phát hành tại Việt Nam cả về nội dung và hình thức. Cơ quan báo chí thực hiện in và phát hành ở nước ngoài phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin.

b. Kiến nghị thực thi:

Trước khi in và phát hành báo chí Việt Nam ra nước ngoài, cơ quan báo chí phải thông báo về nơi in, số lượng in, nơi phát hành cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

87. Chấp thuận cử nhà báo, phóng viên ra nước ngoài-B-BTT-030256-TT

a. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Việc cơ quan báo chí, Hội Nhà báo cử phóng viên, nhà báo ra nước ngoài phải được sự đồng ý của cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý nhân sự. Đối với nhà báo, phóng viên, biên tập viên được cử đi theo các đoàn đại biểu của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ thì được coi như thành viên của đoàn. Ngoài ra, Điều 11, Nghị định 98/NĐ-CP quy định người đứng đầu cơ quan báo chí, tổ chức Hội Nhà báo phải chịu trách nhiệm về nhân sự và nội dung hoạt động của nhà báo, phóng viên được cử ra nước ngoài.

b. Kiến nghị thực thi:

- Sửa Điều 10, Nghị định 98/CP ngày 13/9/1997 của Chính phủ ban hành "Quy chế hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài"; Thông tư liên bộ số 97/TTLB-VHTT-NG ngày 17/12/1997 hướng dẫn thi hành quy chế hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài.

88. Thuê chuyên gia, cộng tác viên nước ngoài-B-BBT-030283-TT

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ TTHC này và không cần xin phép.

Lý do: Việc thuê người nước ngoài làm việc cho cơ quan báo chí Việt Nam phải tuân theo các quy định của Bộ Luật Lao động về việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; việc thuê người nước ngoài làm việc cho cơ quan báo chí Việt Nam không được vi phạm các quy định tại Quy chế hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định của Chính phủ số 67/CP ngày 31/10/1996. Đối với nhà báo, phóng viên, biên tập viên được cử đi theo các đoàn đại biểu của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ thì được coi như thành viên của đoàn. Ngoài ra, Điều 11, Nghị định 98/NĐ-CP quy định người đứng đầu cơ quan báo chí, tổ chức Hội Nhà báo phải chịu trách nhiệm về nhân sự và nội dung hoạt động của nhà báo, phóng viên được cử ra nước ngoài.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa Điều 19 Nghị định 98/CP ngày 13/9/1997 ban hành "Quy chế hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài"

- Sửa Điều 9 của Thông tư liên Bộ 97/TTLB-VHTT-NG ngày 17/12/1997 hướng dẫn thi hành quy chế hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài.

89. Cấp Giấy phép trưng bày tử ảnh, tử thông tin - B-BTT-032584-TT.

a) Nội dung đơn giản:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục vào văn bản quy phạm.

Lý do: Trong Nghị định 67/CP ngày 31/10/1996 chưa có quy định về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định 67/CP ngày 31/10/1996 ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan tổ chức nước ngoài tại VN.

- Sửa đổi Khoản 3, điều 2; khoản 1, điều 3 và điều 14 của Quyết định số 12/2008/QĐ-BTTTT ngày 31/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

90. Cấp giấy phép xuất bản bản tin (trong nước) - B-BTT-031779-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục vào văn bản quy phạm.

Lý do: Trong văn bản quy phạm chưa có quy định cụ thể về nội dung này.

- Về thành phần hồ sơ:

+ Yêu cầu chỉ quy định nộp bản sao (kèm theo bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp, trường hợp nộp qua đường bưu điện thì phải có chứng thực) “Quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ quan, tổ chức, pháp nhân”.

Lý do: Để đơn giản hóa và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục.

- Về mẫu đơn, tờ khai:

1) Thay tên mẫu đơn thành “Đơn đề nghị cấp phép xuất bản bản tin”

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

2) Sửa đổi “Giấy phép số...” thành “Giấy phép/Quyết định thành lập số ...”

Lý do: Đối tượng áp dụng của TTHC này có cả cơ quan nhà nước. Đây là đối tượng không có giấy phép thành lập mà là quyết định thành lập.

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ điều kiện “có địa điểm làm việc chính thức và các điều kiện cần thiết đảm bảo cho việc xuất bản bản tin”.

Lý do: Vì cơ quan, tổ chức nào khi xin phép thành lập tức là đã có địa điểm làm việc. Hơn nữa các điều kiện cần thiết ở đây không quy định rõ. Điều này sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục này.

2) Đề nghị làm rõ điều kiện “Có người chịu trách nhiệm xuất bản Bản tin có nghiệp vụ Quản lý thông tin”.

Lý do: Khái niệm “Có nghiệp vụ quản lý thông tin” rất khó hiểu cho người nhận hồ sơ và thẩm định khi cấp phép, đề nghị cấp trên giải thích, hướng dẫn rõ, hoặc bỏ quy định này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Ban hành văn bản mới thay thế quy chế 53/2003/QĐ-BVHTT và Quyết định số 3865/QĐ-BVHTT ngày 04/11/2003 về việc uỷ quyền cấp, thu hồi Giấy phép xuất bản bản tin.

91. Cấp giấy phép xuất bản bản tin, tài liệu, tờ rơi, phát hành thông cáo báo chí (nước ngoài) – B-BTT-130205-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ:

Chỉ yêu cầu nộp bản sao (khi hồ sơ nộp trực tiếp kèm bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan khi nộp qua hệ thống bưu chính) các loại tài liệu trong hồ sơ thay thế cho việc yêu cầu nộp bản công chứng.

Lý do: Giảm phiền hà và chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp.

- Về mẫu đơn, tờ khai:

1) Loại bỏ tờ khai. Đưa nội dung tờ khai hiện nay vào nội dung Đơn đề nghị.

Lý do: Đơn giản quy trình chuẩn bị hồ sơ để thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục này.

2) Về “Đơn xin cấp phép xuất bản tài liệu, tờ rơi, phát hành thông cáo báo chí”

- Đề nghị bỏ mục “sơ yếu lý lịch”, “địa chỉ liên lạc” của người đại diện theo pháp luật của đơn vị xin cấp phép.

Lý do: Đã có địa chỉ liên lạc của cơ quan tổ chức nên không cần địa chỉ liên lạc của người đại diện theo pháp luật của tổ chức. Sơ yếu lý lịch cũng không cần thiết vì thông thường người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam không mang quốc tịch Việt Nam nên cũng không có cơ quan nào tại Việt Nam có thể ký xác nhận vào sơ yếu lý lịch của người đó được.

-Đề nghị đổi tên mẫu đơn xin phép thành “Đơn đề nghị cấp phép xuất bản tài liệu, tờ rơi, phát hành thông cáo báo chí”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Quyết định số 28/2002/QĐ-BVHTT ngày 21/11/2002 Ban hành Quy chế xuất bản bản tin, tài liệu, tờ rơi; phát hành thông cáo báo chí; đăng, phát bản tin trên màn hình điện tử của các cơ quan, tổ chức nước ngoài, pháp nhân có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

92. Cho phép hợp báo - B-BTT-032626-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Việc hợp báo đối với cá nhân, tổ chức trong nước (TW và địa phương) được quy định trong Luật Báo chí và Nghị định 51/2002/NĐ-CP hướng dẫn Luật Báo chí, tuy nhiên các văn bản này chưa quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, nên tổ chức, cá nhân phải mất nhiều thời gian để tìm hiểu

- Về mẫu đơn, tờ khai: Xây dựng biểu mẫu Đơn xin cấp phép tổ chức Hợp báo

Lý do: cần xây dựng mẫu đơn thống nhất trong toàn quốc

- Về yêu cầu, điều kiện:

Đề nghị làm rõ yêu cầu, điều kiện tại điểm 1 “Nội dung hợp báo phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục đích của tổ chức đó”

Lý do:

+ Có những cuộc hợp báo do nhiều đơn vị đồng tổ chức như: Vấn đề giảm thiểu an toàn giao thông do Bộ GTVT và Bộ Công an, tổ chức UNICEF đồng tổ chức, như vậy, nội dung của cuộc hợp báo là vấn đề mà các đơn vị tổ chức quan tâm, muốn hướng đến cũng là vấn đề được xã hội quan tâm. Như vậy, nếu đặt ra yêu cầu điều kiện là: “Nội dung hợp báo phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục đích của tổ chức đó” thì chưa sát và chưa hợp lý.

+ Có những cuộc hợp báo vì mục đích phục vụ cộng đồng, hướng đến cộng đồng, như vì người nghèo, vì môi trường do các doanh nghiệp đứng ra chủ trì tổ chức. Hoạt động xã hội (từ thiện) hiểu theo một nghĩa khách quan thì không phải là chức năng, nhiệm vụ và mục đích của doanh nghiệp (vì chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp được quy định trong Giấy đăng ký kinh doanh/đăng ký hoạt động với mục đích cuối cùng là tạo lợi nhuận). Do đó, nếu đặt ra yêu cầu,

điều kiện 1 nói trên thì vô hình trung sẽ hạn chế việc đề nghị được hợp báo của một số doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 19 Nghị định 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002
- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu đơn, tờ khai

93. Cấp giấy phép ra phụ trương quảng cáo – B-BTT-042182-TT

a) Nội dung kiến nghị:

-Bổ sung các quy định về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết của thủ tục này vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Chưa có quy định cụ thể về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết của thủ tục này.

- Thời hạn giải quyết: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục xuống còn 10 ngày làm việc.

Lý do: Việc thẩm định nội dung đối với các thủ tục cấp phép xuất bản phụ trương, số phụ, đặc san không phức tạp như thẩm định nội dung chính của tờ báo nên không cần quá nhiều thời gian.

b) Kiến nghị thực thi:

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục này theo đề xuất trên.

94. Cho phép tổ chức hoạt động liên quan đến thông tin báo chí của cơ quan, tổ chức nước ngoài -B-BTT- 030530 -TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện trong văn bản quy phạm pháp luật

Lý do: Chưa có quy định cụ thể về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết của thủ tục này.

- Về mẫu đơn, tờ khai: Đề nghị ban hành mẫu đơn thống nhất về việc cho phép tổ chức hoạt động liên quan đến thông tin báo chí.

Lý do: Thuận lợi cho cá nhân tổ chức giải quyết TTHC, thống nhất 1 mẫu đơn trên toàn quốc.

b) Kiến nghị thực thi:

-Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định quy trình thực hiện thủ tục, thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện và ban hành mẫu đơn tờ khai cho thủ tục này.

95. Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản –B-BTT- 018556-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự và cách thức thực hiện: đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ

chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- *Về thành phần hồ sơ:*

+ Đề nghị quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là: 01 bộ, gồm 01 đơn và 01 đề án thành lập nhà xuất bản

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể về số lượng bộ hồ sơ phải nộp để thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

+ Đề nghị quy định thay thế “lý lịch trích ngang” bằng “sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo nhà xuất bản có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của cơ quan chủ quản” trong thành phần hồ sơ.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể nên sẽ gây ra cách hiểu khác nhau, khó thực hiện.

- *Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

+ Đề nghị đơn giản hóa mẫu đơn hiện có theo hướng chuyển bớt các nội dung trong đơn vào đề án thành lập nhà xuất bản, sửa tên “đơn xin phép” thành “đơn đề nghị cấp phép”;

+ Ban hành bổ sung mẫu “Đề án thành lập nhà xuất bản” để thay thế cho các giấy tờ kèm theo khác, trong đề án có đầy đủ các tiêu chí, nội dung của các giấy tờ khác (Mẫu đề án cần nêu rõ yêu cầu về sự cần thiết thành lập nhà xuất bản, mức độ phù hợp với quy hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản của toàn quốc và của địa phương, tên nhà xuất bản, tôn chỉ mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nhân sự dự kiến bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, danh sách biên tập viên, mô hình tổ chức, địa chỉ, xuất bản phẩm chủ yếu, đối tượng phục vụ, v.v... tương ứng với các điều kiện được quy định trong Luật Xuất bản.

Lý do: Việc thành lập nhà xuất bản không đơn thuần như việc thành lập doanh nghiệp trong ngành nghề khác vì sau khi có giấy phép của Bộ Thông tin và Truyền thông thì cơ quan chủ quản mới quyết định thành lập nhà xuất bản và triển khai thủ tục về đăng ký kinh doanh. Do đó việc cần thiết phải có Đề án thành lập sẽ đảm bảo cung cấp, thuyết minh đầy đủ các thông tin quan trọng về thành lập nhà xuất bản. Mặt khác, do chưa có quy định về mẫu đối với các giấy tờ kèm theo đơn xin phép, nên việc chuẩn bị hồ sơ xin cấp phép còn gặp khó khăn, không tạo ra sự thống nhất giữa các tổ chức nộp hồ sơ, mất nhiều thời gian tìm hiểu thủ tục và chi phí đi lại của tổ chức xin cấp phép.

- *Về yêu cầu, điều kiện thành lập nhà xuất bản:*

1) Đề nghị quy định bổ sung các chức danh lãnh đạo nhà xuất bản, ngoài chức danh giám đốc, tổng biên tập như hiện nay, cần phải có thêm các chức danh Chủ tịch công ty, Chủ tịch hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc

Lý do: đảm bảo thống nhất với các quy định mới của Luật Doanh nghiệp về người đại diện theo pháp luật và thực tiễn hiện nay.

2) Đề nghị quy định rõ điều kiện “có ít nhất một người hoạt động trong lĩnh vực xuất bản từ 03 năm trở lên” là vị trí nào trong nhà xuất bản, hay cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản (cấp trưởng phòng, phó phòng, biên tập viên, nhân viên nhà xuất bản, v.v...);

Lý do: quy định như hiện tại còn chung chung, gây cách hiểu và vận dụng tùy tiện.

3) Đề nghị giải thích rõ đối với yêu cầu về vốn thành lập nhà xuất bản và đề xuất phương án sửa đổi, bổ

sung, hủy bỏ (nếu có)

Lý do: Quy định như hiện hành còn chung chung. Mặt khác, nhà xuất bản được thành lập theo mô hình tổ chức nào thì đều phải tuân thủ quy định về vốn theo Luật Doanh nghiệp hoặc Nghị định quy định về đơn vị sự nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

4) Đề nghị giải thích rõ đối với yêu cầu về trụ sở của nhà xuất bản và đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ (nếu có)

Lý do: Quy định như hiện hành còn chung chung và trùng lặp, vì yêu cầu về khai báo trụ sở là yêu cầu bắt buộc đối với bất kỳ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp có thu nào khi tuân thủ quy định về đăng ký kinh doanh (trước đây) nay là đăng ký doanh nghiệp.

- *Về đối tượng thành lập nhà xuất bản:* Đề nghị quy định rõ “các tổ chức khác do Chính phủ quy định được thành lập nhà xuất bản” là các tổ chức nào sau khi Thủ tướng Chính phủ có ý kiến.

Lý do: Quy định như hiện tại sẽ tạo ra các ngoại lệ so với các trường hợp cụ thể được pháp luật quy định. Các ngoại lệ này không rõ ràng, minh bạch và khó có thể dự báo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11, Điều 12 Luật Xuất bản số 30/2004/QH11 ngày 03/12/2004;

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Nghị định 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005.

- Quy định bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần và số lượng hồ sơ đề nghị cấp phép;

- Sửa đổi Mẫu số 1- Đơn xin phép thành lập nhà xuất bản và ban hành bổ sung mẫu Đề án thành lập nhà xuất bản kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11/01/2010;

96. Cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam- B-BTT-018598-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Sửa đổi bổ sung Mẫu đơn xin cấp phép theo hướng:

+ Quy định lại các nội dung trong mẫu đơn cho phù hợp với các thay đổi hiện hành;

+ Sửa đổi tên cơ quan giải quyết từ Bộ Văn hóa-Thông tin thành Bộ Thông tin và Truyền thông

Lý do: Mẫu đơn cũ đã hết hiệu lực thi hành và một số nội dung không còn phù hợp;

b) Kiến nghị thực thi:

- Ban hành mẫu đơn thay thế Mẫu số 5 kèm theo Quyết định 31/2006/QĐ-BVHTT đã hết hiệu lực thi hành.

97. Cấp giấy phép hoạt động văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm - B-BTT-018612-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Sửa đổi bổ sung Mẫu đơn xin cấp phép theo hướng:

+ Sửa đổi tên cơ quan giải quyết từ Bộ Văn hóa-Thông tin thành Bộ Thông tin và Truyền thông

Lý do: Mẫu đơn cũ đã hết hiệu lực thi hành và một số nội dung không còn phù hợp;

b) Kiến nghị thực thi:

- Ban hành mẫu đơn thay thế Mẫu số 11 kèm theo Quyết định 31/2006/QĐ-BVHTT đã hết hiệu lực thi hành.

98. Cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản - B-BTT018616-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Về trình tự và cách thức thực hiện:* đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản, khi điều kiện kỹ thuật cho phép sẽ thực hiện nộp hồ sơ qua mạng internet theo hướng dẫn của Cục Xuất bản.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- *Về thành phần hồ sơ:* Đề nghị quy định cụ thể số lượng bộ hồ sơ phải nộp là: 01 bộ gồm:

+ 01 giấy đăng ký kế hoạch xuất bản theo mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư 02/2010/TT-BTTTT;

+ 01 bản chính kết luận của Hội đồng thẩm định đã được người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt đối với trường hợp đăng ký kế hoạch xuất bản tác phẩm quy định tại Điều 21 Luật Xuất bản;

+ 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao (kèm theo bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản) văn bản của cơ quan nghiên cứu chuyên ngành của nhà nước ở trung ương hoặc cấp tỉnh đối với các tác phẩm phải thẩm định nội dung quy định tại Điều 21 Luật Xuất bản.

Lý do: chưa có quy định cụ thể về thành phần và số lượng hồ sơ phải nộp.

- *Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:* sửa mục “Ý kiến của cơ quan chủ quản ký và đóng dấu” thành “Cơ quan chủ quản ký, đóng dấu” trong Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản.

Lý do: Việc ký và đóng dấu này được hiểu như là sự phê duyệt của cơ quan chủ quản đối với kế hoạch xuất bản và đây là kết quả cuối cùng để gửi bản đăng ký đến Cục Xuất bản Do đó, không nhất thiết quy định việc cơ quan chủ quản nhà xuất bản phải có ý kiến, đồng thời tránh gây khó hiểu khi thực hiện.

- *Về thời gian giải quyết thủ tục:* đề nghị giảm bớt thời gian giải quyết xuống còn 5 ngày làm việc, trừ các trường hợp đăng ký kế hoạch xuất bản tác phẩm phải thẩm định nội dung quy định tại Điều 21 Luật Xuất bản và Điều 4 Thông tư 02/2010/TT-BTTTT ngày 11/01/2010.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản (Luật số 12/2008/QH12);

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 3 Thông tư 02/2010/TT-BTTTT.

99. Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh cho cơ quan, tổ chức trung ương, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam - B-BTT-018624-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- *Về trình tự và cách thức thực hiện:* đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- *Về mẫu đơn, tờ khai:* đề nghị ban hành mẫu đơn mới thay thế mẫu đơn ban hành theo Quyết định 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006 đã hết hiệu lực thi hành

Lý do: để các cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục được thuận lợi, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP;

- Ban hành Thông tư mới thay thế Quyết định số 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006 đã hết hiệu lực thi hành.

100. Cấp giấy phép hoạt động in đối với xuất bản phẩm, sản phẩm báo chí, tem chống giả cho cơ sở in thuộc cơ quan, tổ chức ở Trung ương - B-BTT-019335-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- *Về trình tự và cách thức thực hiện:* đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- *Về mẫu đơn, tờ khai:* đề nghị ban hành mẫu đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Chưa có mẫu đơn thống nhất nên các đơn vị đã gặp nhiều lúng túng, đồng thời để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thủ tục được thuận lợi, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí chuẩn bị hồ sơ.

- *Về thành phần hồ sơ:*

1) Đề nghị bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là: 01 bộ

Lý do: Chưa có quy định cụ thể, đồng thời để các cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép chuẩn bị hồ sơ được thuận lợi, tiết kiệm thời gian và chi phí.

2) Chỉ yêu cầu nộp bản sao (có bản gốc đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp và có chứng thực nếu nộp qua hệ thống bưu chính) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận thành lập.

Lý do: tạo thuận lợi cho tổ chức doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí và thời gian trong khâu chuẩn bị hồ sơ.

3) Thay thế “bản cam kết thực hiện các điều kiện về an ninh trật tự có xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền” bằng “bản sao kèm bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự do cơ quan công an có thẩm quyền cấp”

Lý do: cho phù hợp với quy định hiện hành của Chính phủ (Nghị định 72/2009/NĐ-CP).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 31 Luật Xuất bản;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định 105/2007/NĐ-CP ngày 21/6/2007;
- Sửa đổi, bổ sung Nghị định 111/2005/NĐ-CP;
- Ban hành Mẫu đơn đề nghị cấp phép phù hợp.

101. Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in ở Trung ương - B-BTT-022543-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Về trình tự và cách thức thực hiện:* đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- *Về mẫu đơn, tờ khai:* đề nghị đổi tên mẫu đơn xin phép thành “Đơn đề nghị in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 111/2005/NĐ-CP;
- Sửa đổi mẫu đơn số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT.

102. Thủ tục: Cấp Giấy phép nhập khẩu máy photocopy màu - B-BTT-022699-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Về trình tự và cách thức thực hiện:* đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- *Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:* đề nghị ban hành mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định mẫu đơn để cơ quan, tổ chức thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo sự thống nhất chung.

- *Về thành phần hồ sơ:* Đề nghị bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là: 01 bộ, gồm:

- + 01 đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu máy photocopy màu;
- + Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy tờ xác nhận tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép, kèm theo bản gốc để đối chiếu; trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện chỉ nộp bản sao có chứng thực.
- + Ca-ta-lô của máy;
- + Quy chế quản lý và sử dụng máy của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư 04/2008/TT-BTTTT ngày 09/7/2008.

Lý do: để các cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép dễ thực hiện, tiết kiệm thời gian và chi phí.

- *Về gian giải quyết thủ tục:* đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Thủ tục này không đòi hỏi phải tham vấn ý kiến của cơ quan khác có liên quan, chủ yếu là xem xét hồ tại cơ quan cấp phép.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 105/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/6/2007;

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BTTTT ngày 9/7/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

103. Cấp giấy phép in gia công cho nước ngoài sản phẩm không phải là xuất bản phẩm đối với cơ sở in của cơ quan, tổ chức ở Trung ương - B-BTT-022662-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Về trình tự và cách thức thực hiện:* đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- *Về mẫu đơn, tờ khai:* đề nghị ban hành mẫu đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Chưa có mẫu đơn thống nhất nên các đơn vị đã gặp nhiều lúng túng, đồng thời để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thủ tục được thuận lợi, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 105/2007/NĐ-CP;

104. Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh - B-BTT-026180-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Về trình tự và cách thức thực hiện:* đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- *Về thành phần hồ sơ:*

+ Đề nghị sửa đổi các yêu cầu về thành phần hồ sơ theo cách thức nộp hồ sơ. Cụ thể là, nộp hồ sơ qua bưu điện thì phải nộp bản sao có chứng thực đối với các giấy tờ quy định tại điểm d và điểm đ Điều 11 Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11/01/2010. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan giải quyết thì chỉ nộp bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

+ Quy định bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật về số lượng bộ hồ sơ phải nộp là: 01 bộ.

- *Về hiệu lực của giấy phép:* đề nghị sửa đổi thời hạn hiệu lực của giấy phép “trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký” thành “Giấy phép có hiệu lực cho đến khi thực hiện xong thủ tục thông

quan”.

Lý do: Bởi trong quá trình vận chuyển hoặc sự kiện khách quan bất khả kháng xảy ra mà lô hàng không về đến nơi nhận theo như thời hạn hiệu lực của giấy phép thì tổ chức, cá nhân phải làm thủ tục đề nghị cấp lại giấy phép mới, gây tốn kém về chi phí, thời gian.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18b Nghị định số 111/2005/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 11/2009/NĐ-CP
- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11/01/2010

105. Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức ở Trung ương; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế - B-BTT-026296-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Về trình tự và cách thức thực hiện:* đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- *Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:* đề nghị sửa tên mẫu “Đơn xin phép” thành mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

- *Về thành phần hồ sơ:* Đề nghị bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật quy định về số lượng bộ hồ sơ phải nộp là: 01 bộ, gồm:

- 1) Đơn đề nghị cấp phép theo mẫu;
- 2) Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ;

- *Về phân cấp:* đề nghị phân cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện cấp phép cho cá nhân nước ngoài đang hoạt động tại địa phương.

Lý do: để tiết kiệm chi phí gửi hồ sơ cho cá nhân nước ngoài và thuận lợi cho việc quản lý tại địa phương, tránh trường hợp Trung ương cấp phép nhưng địa phương lại không biết để theo dõi, quản lý thực hiện.

- *Về tên thủ tục:* Đề nghị sửa lại tên thủ tục cho phù hợp với đối tượng phân cấp.

- *Về thời gian giải quyết:* Giảm thời hạn giải quyết xuống còn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Lý do: Hoạt động tổ chức hội chợ, triển lãm chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian rất ngắn và hơn nữa công tác chuẩn bị cho hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm mất rất nhiều thời gian để chuẩn bị. Vì vậy, cần thiết rút ngắn thời gian chờ đợi được giải quyết cấp phép để các tổ chức, cơ quan ở trung ương, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế có nhiều thời gian hơn vào công tác chuẩn bị cho hội chợ, triển lãm.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Luật Xuất bản số 30/2004/QH11;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Nghị định 111/2005/NĐ-CP;
- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 20 – Đơn xin cấp phép ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11/01/2010.

II. Thủ tục hành chính cấp địa phương:

1. Cấp giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư - B-BTT-032500-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Các văn bản quy định về thủ tục này chưa quy định cụ thể trình tự, cách thức thực hiện thủ tục nên chưa tạo được sự thống nhất các bước thực hiện giữa các địa phương.

- Về thành phần hồ sơ:

1) Sửa đổi yêu cầu nộp: “Bản sao *hợp lệ* Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyển phát” thành “Bản sao (*có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp*) hoặc bản sao có chứng thực (*trong trường hợp chuyển hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát*) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyển phát.

Lý do: Nội hàm từ “*hợp lệ*” quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 16 Nghị định 128 chung chung, không rõ ràng, gây khó khăn cho tổ chức khi thực hiện thủ tục xin cấp phép.

2) Đề nghị sửa lại yêu cầu nộp “Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp (nếu có)” thành “Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp (đối với phạm vi liên tỉnh)”

Lý do: Vì điều kiện thực tế ở Việt Nam chưa phân biệt rõ doanh nghiệp trong nước, nước ngoài, và doanh nghiệp liên doanh. Đối với doanh nghiệp trong nước, khi thành lập hay đăng ký kinh doanh đã phải có điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp. Còn đối với doanh nghiệp nước ngoài khó kiểm soát, quản lý được nên để đảm bảo công bằng giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, thì sửa yêu cầu này cho rõ ràng là yêu cầu nộp “Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp (đối với phạm vi liên tỉnh)”

3) Bỏ yêu cầu “Tài liệu chứng minh người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát có kinh nghiệm tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực bưu chính hoặc chuyển phát”

Lý do: Yêu cầu người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát có kinh nghiệm tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực bưu chính hoặc chuyển phát tại khoản 4 Điều 15 Nghị định 128 là không cần thiết và hạn chế quyền của tổ chức khi có nhu cầu đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính.

- Về yêu cầu, điều kiện: Bỏ các điều kiện đã nêu trong biểu mẫu thống kê đã công bố.

Lý do: Những yêu cầu, điều kiện mà cơ quan quản lý đưa ra chỉ là những tiêu chí để cơ quan nhà nước thẩm định hồ sơ và doanh nghiệp khi xây dựng hồ sơ đã phải nắm rõ; hoàn toàn không phải là các yêu cầu, điều kiện mà doanh nghiệp phải thực hiện ngoài TTHC này. Do vậy không cần thiết phải đưa vào yêu cầu, điều kiện của TT.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định 128/2007/NĐ-CP của Chính phủ.
- Sửa đổi Thông tư 08/2008/TT-BTTTT của Bộ TTTT.

2. Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát – B-BTT-017713-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung các nội dung quy định về trình tự, cách thức thực hiện, số lượng bộ hồ sơ vào văn bản quy phạm pháp luật.

Lý do: Các văn bản quy định về thủ tục này chưa quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục, chưa quy định về cách thức thực hiện thủ tục và số lượng bộ hồ sơ để đảm bảo rõ ràng, thống nhất, tiện lợi cho doanh nghiệp làm thủ tục.

- Về thành phần hồ sơ:

1) Sửa đổi yêu cầu nộp: “Bản sao hợp lệ” thành “Bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chuyển phát)” (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ chuyển phát tại Việt Nam).

Lý do: Nội hàm từ “hợp lệ” không rõ ràng, gây khó khăn cho tổ chức khi chuẩn bị hồ sơ.

2) Bỏ yêu cầu nộp Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ trong thành phần hồ sơ.

Lý do: Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp "Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ" là không cần thiết. Vì doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về việc cam kết cung cấp dịch vụ chuyển phát trước pháp luật.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị sửa tiêu đề của đơn “Thông báo hoạt động dịch vụ chuyển phát” thành “Thông báo hoạt động dịch vụ chuyển phát nội tỉnh”.

Lý do: Vì nội dung của đơn chỉ thông báo hoạt động dịch vụ chuyển phát nội tỉnh của doanh nghiệp (nếu để là chuyển phát không sẽ bao hàm cả chuyển phát liên tỉnh và quốc tế).

a) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định 128/2007/NĐ- CP ngày 2/8/2007.

3. Cấp giấy phép trưng bày tử thông tin - B-BTT-053147-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện vào văn bản quy phạm để thuận lợi cho tổ chức khi thực hiện thủ tục. Đối với các đối tượng thực hiện khác nhau, quy định rõ trình tự thực hiện khác nhau.

Lý do: Các văn bản quy định về thủ tục này chưa quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục, chưa quy định về cách thức thực hiện thủ tục để đảm bảo rõ ràng, thống nhất, tiện lợi cho tổ chức làm thủ tục

- Về thời hạn giải quyết thủ tục: Đề nghị ban hành thời hạn giải quyết của thủ tục để doanh nghiệp xác định rõ thời gian.

- Về mẫu đơn, tờ khai: Đề nghị ban hành mẫu tờ khai thông nhất để thuận tiện cho doanh nghiệp khi chuẩn bị hồ sơ và tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước quản lý hồ sơ đơn giản hơn.

Lý do: Chưa có qui định thống nhất của Bộ về mẫu tờ khai này.

- Đề nghị làm rõ đối tượng thực hiện thủ tục: cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ.

Lý do: Đối với từng đối tượng sẽ có trình tự khác nhau khi thực hiện thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Xây dựng thông tư mới thay thế thông tư liên bộ số 84/TTLB ngày 31 tháng 12 năm 1996

4. Cho phép tổ chức hoạt động liên quan đến thông tin báo chí của cơ quan, tổ chức nước ngoài -B-BTT-030530-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện:

+ Bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện trong văn bản quy phạm pháp luật

+ Bổ sung cách thức thực hiện đối với trường hợp tỉnh không có Sở Ngoại vụ.

Lý do: Các văn bản quy định về thủ tục này chưa quy định cụ thể trình tự thực hiện thủ tục, chưa quy định về cách thức thực hiện thủ tục để đảm bảo rõ ràng, thống nhất, tiện lợi cho tổ chức làm thủ tục

- Về thời hạn giải quyết: Đề xuất giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 30 ngày xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Thời gian 30 ngày là quá dài và không phù hợp với các sự kiện, hoạt động diễn ra thường xuyên của các tổ chức.

- Về mẫu đơn, tờ khai: Đề nghị ban hành mẫu đơn thống nhất về việc cho phép tổ chức hoạt động liên quan đến thông tin báo chí.

Lý do: Thuận lợi cho cá nhân tổ chức giải quyết TTHC, thống nhất 1 mẫu đơn trên toàn quốc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư số 84/TTLB-BVHTT-NG ngày 31/12/1996 của Liên Bộ Văn hóa - Thông tin - Bộ Ngoại giao.

5. Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí - B-BTT-053258-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Cần quy định rõ trình tự thực hiện, cách thức thực hiện của thủ tục này vào văn bản quy phạm pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục.

Lý do: Trình tự và cách thức thực hiện chưa được quy định tại văn bản pháp quy.

- Về thành phần hồ sơ: Chỉ yêu cầu nộp bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu nếu nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính, trường hợp gửi qua đường bưu điện vẫn yêu cầu phải có chứng thực) “Giấy phép hoạt động báo chí” và “Thẻ nhà báo của người đứng đầu cơ quan đại diện và phóng viên thường trú”

b) Kiến nghị thực thi:

- Thông tư số 13/2008/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2008.

6. Cấp giấy phép xuất bản bản tin (trong nước) - B-BTT- 053176-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung quy định về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục vào văn bản quy phạm.

Lý do: Trong văn bản quy phạm chưa có quy định cụ thể về nội dung này.

- Về thành phần hồ sơ:

+ Yêu cầu chỉ quy định nộp bản sao (kèm theo bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp, trường hợp nộp qua đường bưu điện thì phải có chứng thực) “Quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ quan, tổ chức, pháp nhân”.

Lý do: Đề đơn giản hóa và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục.

- Về mẫu đơn, tờ khai:

1) Thay tên mẫu đơn thành “Đơn đề nghị cấp phép xuất bản bản tin”

Lý do: Thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

2) Sửa đổi “Giấy phép số...” thành “Giấy phép/Quyết định thành lập số ...”

Lý do: Đối tượng áp dụng của TTHC này có cả cơ quan nhà nước. Đây là đối tượng không có giấy phép thành lập mà là quyết định thành lập.

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Bỏ điều kiện “có địa điểm làm việc chính thức và các điều kiện cần thiết đảm bảo cho việc xuất bản bản tin”.

Lý do: Vì cơ quan, tổ chức nào khi xin phép thành lập tức là đã có địa điểm làm việc. Hơn nữa các điều kiện cần thiết ở đây không quy định rõ. Điều này sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục này.

2) Đề nghị làm rõ điều kiện “Có người chịu trách nhiệm xuất bản Bản tin có nghiệp vụ Quản lý thông tin”.

Lý do: Khái niệm “Có nghiệp vụ quản lý thông tin” rất khó hiểu cho người nhận hồ sơ và thẩm định khi cấp phép, đề nghị cấp trên giải thích, hướng dẫn rõ, hoặc bỏ quy định này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Ban hành văn bản mới thay thế quy chế 53/2003/QĐ-BVHTT và Quyết định số 3865/QĐ-BVHTT ngày 04/11/2003 về việc ủy quyền cấp, thu hồi Giấy phép xuất bản bản tin.

7. Cho phép hợp báo - B-BTT-053200-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự, cách thức thực hiện: Bổ sung trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc hợp báo đối với cá nhân, tổ chức tại địa phương được quy định trong Luật Báo chí và Nghị định 51/2002/NĐ-CP hướng dẫn Luật Báo chí, tuy nhiên các văn bản này chưa quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, nên tổ chức, cá nhân phải mất nhiều thời gian để tìm hiểu.

- Về mẫu đơn, tờ khai: Xây dựng biểu mẫu Đơn xin cấp phép tổ chức Hợp báo

Lý do: cần xây dựng mẫu đơn thống nhất.

- Về yêu cầu, điều kiện:

1) Đề nghị làm rõ yêu cầu, điều kiện tại điểm 1 “Nội dung hợp báo phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục đích của tổ chức đó”

Lý do:

+ Có những cuộc họp báo do nhiều đơn vị đồng tổ chức như: Vấn đề giảm thiểu an toàn giao thông do Bộ GTVT và Bộ Công an, tổ chức UNICEF đồng tổ chức, như vậy, nội dung của cuộc họp báo là vấn đề mà các đơn vị tổ chức quan tâm, muốn hướng đến cũng là vấn đề được xã hội quan tâm. Như vậy, nếu đặt ra yêu cầu điều kiện là: “Nội dung hợp báo phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục đích của tổ chức đó” thì chưa sát và chưa hợp lý.

+ Có những cuộc họp báo vì mục đích phục vụ cộng đồng, hướng đến cộng đồng, như vì người nghèo, vì môi trường do các doanh nghiệp đứng ra chủ trì tổ chức. Hoạt động xã hội (từ thiện) hiểu theo một nghĩa khách quan thì không phải là chức năng, nhiệm vụ và mục đích của doanh nghiệp (vì chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp được quy định trong Giấy đăng ký kinh doanh/đăng ký hoạt động với mục đích cuối cùng là tạo lợi nhuận). Do đó, nếu đặt ra yêu cầu, điều kiện 1 nói trên thì vô hình trung sẽ hạn chế việc đề nghị được họp báo của một số doanh nghiệp.

2) Sửa đổi 02 điều kiện như sau:

+ Điều kiện 2: Tổ chức, công dân muốn họp báo phải báo trước bằng văn bản chậm nhất là hai mươi tư (24) tiếng đồng hồ (không tính thứ 7 và chủ nhật) trước khi họp báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

+ Điều kiện 3: Cơ quan nước ngoài và cá nhân người nước ngoài có nhu cầu tổ chức họp báo ở khu vực địa phận nào thì đăng ký bằng văn bản với Sở Thông tin và Truyền thông chậm nhất trước 48 giờ (không tính thứ 7 và chủ nhật).

Lý do: quy định không tính thứ 7 và chủ nhật đề sát với thực tế địa phương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 19 Nghị định 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định mẫu đơn, tờ khai

8. Thủ tục: Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh cho cơ quan, tổ chức thuộc địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương - B-BTT-033282-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự và cách thức thực hiện: đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- Về mẫu đơn, tờ khai: đề nghị ban hành mẫu đơn mới thay thế mẫu đơn ban hành theo Quyết định 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006 đã hết hiệu lực thi hành

Lý do: để các cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục được thuận lợi, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định 111/2005/NĐ-CP;
- Ban hành Thông tư mới thay thế Quyết định số 31/2006/QĐ-BVHTT ngày 01/3/2006 đã hết hiệu lực thi hành.

9. Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động in đối với xuất bản phẩm, sản phẩm báo chí, tem chống giả cho cơ sở in của địa phương - B-BTT-033852-TT

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về trình tự và cách thức thực hiện: đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- Về mẫu đơn, tờ khai: đề nghị ban hành mẫu đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Chưa có mẫu đơn thống nhất nên các đơn vị đã gặp nhiều lúng túng, đồng thời để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thủ tục được thuận lợi, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí chuẩn bị hồ sơ.

- Về thành phần hồ sơ:

1) Đề nghị bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là: 01 bộ
Lý do: Chưa có quy định cụ thể, đồng thời để các cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép chuẩn bị hồ sơ được thuận lợi, tiết kiệm thời gian và chi phí.

2) Chỉ yêu cầu nộp bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập cơ sở in của cơ quan chủ quản.

Lý do: tạo thuận lợi cho tổ chức doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí và thời gian trong khâu chuẩn bị hồ sơ.

3) Thay thế “bản cam kết thực hiện các điều kiện về an ninh trật tự có xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền” bằng “bản sao kèm bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự do cơ quan công an có thẩm quyền cấp”

Lý do: cho phù hợp với quy định hiện hành của Chính phủ (Nghị định 72/2009/NĐ-CP)

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 31 Luật Xuất bản;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định 105/2007/NĐ-CP ngày 21/6/2007;
- Sửa đổi, bổ sung Nghị định 111/2005/NĐ-CP;
- Ban hành Mẫu đơn đề nghị cấp phép phù hợp.

10. Thủ tục cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in ở địa phương - B-BTT-033919-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự và cách thức thực hiện: đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- Về mẫu đơn, tờ khai: đề nghị đổi tên mẫu đơn xin phép thành “Đơn đề nghị in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài”.

Lý do: Nhằm thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 111/2005/NĐ-CP;

- Sửa đổi mẫu đơn số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT.

11. Thủ tục Cấp giấy phép in gia công cho nước ngoài sản phẩm không phải là xuất bản phẩm đối với cơ sở in của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa phương - B-BTT-034281-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự và cách thức thực hiện: đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- Về mẫu đơn, tờ khai: đề nghị ban hành mẫu đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Chưa có mẫu đơn thống nhất nên các đơn vị đã gặp nhiều lúng túng, đồng thời để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thủ tục được thuận lợi, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí chuẩn bị hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 105/2007/NĐ-CP;

- Ban hành Mẫu đơn đề nghị cấp phép.

12. Thủ tục: Cấp giấy xác nhận đăng ký in vàng mã – B-BTT-034377-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự và cách thức thực hiện:

Đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- Về thành phần hồ sơ:

Đề nghị bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật quy định về số lượng hồ sơ là: 01 bộ, gồm:

- + Đơn xin đăng ký in vàng mã;
- + Bản sao Giấy phép hoạt động in hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về in (nếu gửi qua bưu điện phải là bản sao có chứng thực);
- + 02 bản mẫu vàng mã.

Lý do: Do chưa có quy định về mẫu đơn và hồ sơ nên tổ chức, cá nhân và cơ quan giải quyết còn gặp nhiều lúng túng, tốn thời gian.

- *Về mẫu đơn, tờ khai:* đề nghị ban hành mẫu đơn

Lý do: Do chưa có quy định về mẫu đơn nên tổ chức, cá nhân và cơ quan giải quyết còn gặp nhiều lúng túng, tốn thời gian trong khâu chuẩn bị hồ sơ.

- *Về thời gian giải quyết thủ tục:* đề nghị quy định bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật thời gian giải quyết là trong thời hạn 07 ngày làm việc.

Lý do: Chưa có quy định cụ thể về thời gian giải quyết

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư 04/2008/TT-BTTTT

13.Thủ tục: Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh - B-BTT-034453-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự và cách thức thực hiện:

Đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- Về thành phần hồ sơ:

1) Đề nghị sửa đổi các yêu cầu về thành phần hồ sơ theo cách thức nộp hồ sơ. Cụ thể là, nộp hồ sơ qua bưu điện thì phải nộp bản sao có chứng thực đối với các giấy tờ quy định tại điểm d và điểm đ Điều 11 Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11/01/2010. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan giải quyết thì chỉ nộp bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

2) Quy định bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật về số lượng bộ hồ sơ phải nộp là: 01 bộ.

- *Về hiệu lực của giấy phép:* đề nghị sửa đổi thời hạn hiệu lực của giấy phép “trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký” thành “Giấy phép có hiệu lực cho đến khi thực hiện xong thủ tục thông quan”.

Lý do: Bởi trong quá trình vận chuyển hoặc sự kiện khách quan bất khả kháng xảy ra mà lô hàng không về đến nơi nhận theo như thời hạn hiệu lực của giấy phép thì tổ chức, cá nhân phải làm thủ tục đề nghị cấp lại giấy phép mới, gây tốn kém về chi phí, thời gian.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18b Nghị định số 111/2005/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 11/2009/NĐ-CP

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11/01/2010

14. Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân của địa phương; chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc của cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương –B-BTT-034802-TT

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về trình tự và cách thức thực hiện:

Đề nghị bổ sung quy định vào văn bản quy phạm pháp luật cách thức thực hiện nộp hồ sơ theo 2 cách: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

Lý do: Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về cách thức nộp hồ sơ để tổ chức xin cấp phép thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, đúng pháp luật.

- Về mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị sửa tên mẫu “Đơn xin phép” thành mẫu “Đơn đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: Nhằm thể hiện quan hệ bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với cơ quan giải quyết thủ tục.

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật quy định về số lượng bộ hồ sơ phải nộp là: 01 bộ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp phép theo mẫu;

+ Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ;

- *Về phân cấp*: đề nghị quy định bổ sung vào văn bản quy phạm pháp luật đối với cá nhân nước ngoài đang hoạt động tại địa phương thực hiện thủ tục này tại Sở Thông tin và Truyền thông nơi tổ chức triển lãm, hội chợ.

Lý do: Để tiết kiệm chi phí gửi hồ sơ cho cá nhân nước ngoài (ví dụ: tổ chức triển lãm tại Cần Thơ nhưng phải xin phép tại Hà Nội) và thuận lợi cho việc quản lý tại địa phương, tránh trường hợp Trung ương cấp phép nhưng địa phương lại không biết để theo dõi, quản lý thực hiện.

- *Về thời gian giải quyết*: Giảm thời hạn giải quyết xuống còn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Lý do: Hoạt động tổ chức hội chợ, triển lãm chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian rất ngắn và hơn nữa công tác chuẩn bị cho hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm mất rất nhiều thời gian để chuẩn bị. Vì vậy, cần thiết rút ngắn thời gian chờ đợi được giải quyết cấp phép để các tổ chức, cơ quan ở trung ương, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế có nhiều thời gian hơn vào công tác chuẩn bị cho hội chợ, triển lãm.